

Số: 64/TTr-BPC

Gia Lai, ngày 20 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi
bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và
Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
87/2025/QH15;

Nhằm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND)
các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Gia Lai theo đúng quy định pháp
luật; Trên cơ sở kết luận của Thường trực HĐND tỉnh¹ và ý kiến thống nhất của
Đoàn ĐBQH tỉnh², Ban Pháp chế kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
***Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng
nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai***, với nội dung cụ thể
như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm số
121/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát hệ thống
hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

¹ Thông báo số 28/TB-TTHĐND ngày 10/4/2026 kết luận về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thứ 2 (chuyên
đề), HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031;

² Công văn số 66/ĐDBQH-VP ngày 17/4/2026 của Đoàn ĐBQH tỉnh về việc thống nhất nội dung dự thảo Nghị
quyết quy định về nội dung, mức chi và các điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh
Gia Lai.

- Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (cũ) đều ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật (đặc thù)³ nhằm bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn. Sau khi sắp xếp, tại Kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 quyết định việc áp dụng nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới), nhiệm kỳ 2021–2026.

Bước sang nhiệm kỳ 2026-2031, tại Kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII ban hành Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 về việc tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh, nhiệm kỳ 2021-2026, nhằm duy trì thực hiện các quy định hiện hành, bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không bị gián đoạn trong giai đoạn chuyển tiếp.

Đến nay, Hội đồng nhân dân các cấp đã từng bước ổn định, đi vào hoạt động. Tuy nhiên, trong bối cảnh không còn tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp xã đang đảm nhận khối lượng công việc lớn hơn, với chức năng, nhiệm vụ, vai trò giám sát và thẩm quyền quyết định được tăng cường; đồng thời, hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh cũng đòi hỏi các điều kiện bảo đảm tương xứng. Trong khi đó, các chế độ, chính sách hiện hành đã bộc lộ một số bất cập, không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các văn bản làm căn cứ ban hành nghị quyết cơ bản đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hết hiệu lực⁴; một số nội dung, mức chi cũng không còn phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

³ Bình Định (trước sắp xếp): Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về việc ban hành quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021-2026;

Gia Lai (trước sắp xếp): Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 về việc ban hành quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

⁴ Các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hoặc hết hiệu lực: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (hết hiệu lực); Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 (hết hiệu lực); Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022; Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội được điều chỉnh bởi Quyết định số 32/QĐ-VPQH ngày 19/01/2022; Thông tư số 40/2017/TT-BT ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025.

Do đó, để hoàn thiện các chế độ, chính sách đảm bảo cho hoạt động Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và HĐND các cấp, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai thay thế Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND tỉnh tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nhiệm kỳ 2021-2026 là cần thiết, nhằm phù hợp tình hình mới và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1⁵ và điểm b⁶ khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai thay thế cho Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 (tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/7/2025) nhằm tạo điều kiện cho hoạt động của đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh, các cơ quan dân cử được thực hiện đồng bộ, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, thống nhất trong việc tổ chức, triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với thực tiễn hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và điều kiện ngân sách của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với quy định hiện hành, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thực tiễn hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, Đoàn ĐBQH và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

- Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- **Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai.

- **Đối tượng áp dụng:** Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND các cấp; các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

2.1 Bố cục

⁵ Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền để ban hành văn bản đó,...

⁶ 4. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây: b) Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều.

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 điều:

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Điều 2: Điều khoản thi hành.

2.2 Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định các mức chi cho các hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai gồm 02 Chương 11 Điều; được xây dựng theo đúng Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp. Một số nội dung chi của Đoàn ĐBQH tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo.

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định (có dự thảo Nghị quyết kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, BPC.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



Đinh Ly An

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 64/TTr-BPC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 87/BCTT-KTNS ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021-2026;

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới) nhiệm kỳ 2021-2026;

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai tiếp tục áp dụng thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

TỈNH GIA LAI**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung, mức chi và các điều kiện bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND
ngày tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung, mức chi và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.
2. Nghị quyết này áp dụng đối với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện các nội dung, mức chi phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng đối tượng, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.
2. Các nội dung chi không nêu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong phạm vi ngân sách tỉnh hỗ trợ hằng năm.
4. Kinh phí hoạt động cấp xã trong phạm vi được cấp hằng năm, cấp tỉnh không bổ sung thêm kinh phí cho cấp xã và đồng thời tùy theo tình hình ngân sách cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã được phép chi nhưng không vượt quá định mức theo Nghị quyết này.
5. Đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì được hưởng 01 chế độ hỗ trợ cao nhất đối với các nội dung chi: Khoản chi phí khai thác internet, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo; cấp dụng tài liệu; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị tương đương).

Chương II
MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 3. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên) tham dự kỳ họp được bố trí ăn, nghỉ tại nhà khách, khách sạn. Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ được thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành			
2	Tiền giải khát	đồng/ người/buổi	50.000	50.000
3	Nếu mời cơm thân: Thực hiện như chế độ tiếp khách theo quy định hiện hành. Trường hợp tiền ăn phát sinh theo thực tế, giao Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.			
4	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp Hội đồng nhân dân			
a	Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi/ người	220.000	140.000
b	Thư ký kỳ họp	đồng/buổi/ người	170.000	110.000
c	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/buổi/ người	130.000	90.000
d	Đại biểu khách mời	đồng/buổi/ người	110.000	60.000
e	Đại biểu nguyên là lãnh đạo tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định			
f	Công chức, người lao động văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/buổi/ người	110.000	60.000
g	Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai trực tiếp đưa tin kỳ họp; Lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác	đồng/buổi/ người	80.000	50.000
h	Riêng chi hỗ trợ Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai; đơn vị truyền hình trực tiếp và đưa tin các hoạt động của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định. Không quá 10.000.000 đồng/kỳ họp chuyên đề, 20.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ.			
3	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung chi, mức chi của Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh trong khu vực do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng cai tổ chức.			

Điều 4. Chi xây dựng văn bản.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (đối với Nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật)			
a	Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết (tờ trình và dự thảo Nghị quyết) không bao gồm nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/bộ văn bản	1.300.000	540.000
b	Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết về công tác nhân sự (tờ trình và dự thảo Nghị quyết) không bao gồm nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/bộ văn bản	570.000	240.000
c	Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết	đồng/văn bản	510.000	400.000
d	Chỉnh sửa, hoàn thiện Nghị quyết ban hành (không bao gồm Nghị quyết về nhân sự do Ủy ban nhân dân tỉnh trình)	đồng/nghị quyết	200.000	80.000
e	Chi xây dựng, chỉnh lý hoàn thiện Nghị quyết về công tác nhân sự (dự thảo Nghị quyết và chỉnh lý) do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/nghị quyết	490.000	190.000
f	Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này			
2	Chi soạn thảo báo cáo, văn bản phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân			
a	- Xây dựng nội dung, chương trình kỳ họp - Chương trình điều hành kỳ họp Hội đồng nhân dân - Kế hoạch tổ chức Kỳ họp - Diễn văn khai mạc kỳ họp - Diễn văn bế mạc kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	200.000
b	Biên bản kỳ họp, Thông báo kết quả kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/bộ văn bản	1.480.000	550.000
c	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	2.230.000	1.120.000
d	Báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân trình Kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	570.000	250.000
e	Báo cáo của các Ban Hội đồng nhân dân trình Kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	510.000	220.000

3	Báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương. Báo cáo của Đảng ủy Hội đồng nhân dân: báo cáo Quý, 6 tháng, tổng kết năm, tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo phục vụ Đoàn giám sát của Trung ương.	đồng/văn bản	570.000	
4	Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ, công chức của Đảng ủy Hội đồng nhân dân (gồm Tờ trình, Biên bản, Kết luận, Phiếu bầu...)	Đồng/bộ văn bản	570.000	
5	Chi báo cáo công tác tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	1.140.000	570.000
6	Chi xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	1.000.000	500.000
7	Bài viết hoặc nội dung trả lời phỏng vấn của báo chí; bài phát biểu tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại các Hội nghị do Trung ương tổ chức.	đồng/văn bản	500.000	200.000

Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi xây dựng văn bản giám sát của Hội đồng nhân dân			
a	Chi thành lập Đoàn giám sát (quyết định, kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ văn bản	1.800.000	1.000.000
b	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát	đồng/báo cáo	2.000.000	800.000
2	Chi xây dựng văn bản giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân bằng 80% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.			
3	Chi xây dựng văn bản giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân bằng 70% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.			
4	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân bằng 60% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.			
5	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân bằng 50% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.			

6	Chế độ bồi dưỡng giám sát, khảo sát			
a	Trưởng đoàn	đồng/buổi/người	170.000	110.000
b	Phó Trưởng đoàn	đồng/buổi/người	130.000	90.000
c	Thành viên	đồng/buổi/người	110.000	60.000
d	Cán bộ, công chức Văn phòng Phóng viên, nhân viên lái xe, phục vụ	đồng/buổi/người	90.000	50.000

Điều 6. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi khoán hỗ trợ Hội nghị tiếp xúc cử tri (đề trang trí, nước uống và các khoản hỗ trợ khác phục vụ tiếp xúc cử tri)	đồng/điểm/ lần tiếp xúc cử tri	1.500.000	1.000.000
2	Chi khoán hoạt động tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân (chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri không bao gồm công tác phí)	đồng/năm/ đại biểu	5.000.000	2.500.000
3	Kinh phí hỗ trợ cho cấp xã để tổ chức điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các xã chi và quyết toán theo quy định hiện hành.			
4	Kinh phí hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do ngân sách cấp xã bố trí theo quy định.			

Điều 7. Chế độ hỗ trợ tổ đại biểu.

Hàng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch chi cho ngân sách cấp xã để chi kinh phí cho hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Khoán kinh phí hoạt động của tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (cấp theo số lượng đại biểu mỗi tổ).	đồng/đại biểu/năm	5.000.000	2.500.000
	Nội dung chi bao gồm: phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ cho đại biểu về tiếp xúc cử tri; xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của tổ và phục vụ các hoạt động giám sát, khảo sát và hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của tổ đại biểu.			

2	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các báo cáo khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	220.000	180.000
3	Nguồn kinh phí: Kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách cấp xã của tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do ngân sách xã đảm bảo.			

Điều 8. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chế độ thông tin, báo chí			
a	Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, mỗi Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã được cấp 01 tờ báo đại biểu Nhân dân định kỳ do Ngân sách tỉnh đảm bảo			
b	Khoán chi phí khai thác internet, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	3.000.000	1.500.000
2	Chi khoán hỗ trợ may trang phục			
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được khoán tiền may 02 bộ trang phục/nhiệm kỳ/người.	đồng/bộ/người	5.000.000	5.000.000
	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; công chức, người lao động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp việc trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân tùy theo điều kiện ngân sách địa phương được khoán tiền may trang phục không quá 02 bộ/nhiệm kỳ/người.			
b	Trong nhiệm kỳ: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được khoán tiền mua 02 cặp đựng tài liệu	đồng/cái	1.000.000	800.000
3	Chế độ khoán hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, hàng năm cho đại biểu Hội	đồng/ đại biểu/	3.000.000	2.000.000

	đồng nhân dân (Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ theo chức danh, chức vụ theo quy định thì không hưởng chế độ chi theo Nghị quyết này). Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.	năm		
4	Khoán hỗ trợ chi phí đi lại đối với đại biểu Hội đồng nhân dân			
a	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Khoán hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân tỉnh 3.000.000 đồng/đại biểu/năm; Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách là thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ trưởng các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 5.000.000 đồng/đại biểu/năm. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách đang làm việc tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đã được bố trí phương tiện đi lại thì không thực hiện khoán chi phí đi lại.			
b	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Khoán hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân cấp xã: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.			
5	Chế độ tặng quà lưu niệm			
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân hoặc thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định. Chế độ tặng quà lưu niệm cho cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân và các đối tượng khác nhân dịp Tổng kết nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.			
b	Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.			
6	Chi hoạt động Ban biên tập, chi phí phát hành Bản tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và tính đặc thù của Tờ thông tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử để quyết định các nội dung chi cụ thể.			
7	Chi tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu Hội đồng nhân dân (trong và ngoài nước) do Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.			
8	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, các cuộc họp, hội nghị, đào tạo bồi dưỡng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ theo chế độ công tác phí hiện hành.			

9	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp 01 máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) để sử dụng phần mềm kỳ họp không giấy và phục vụ hoạt động của đại biểu. Việc trang bị thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành của Nhà nước và tùy thuộc vào ngân sách địa phương. Máy vi tính xách tay được giao cho đại biểu quản lý, sử dụng; không hạch toán, theo dõi, quản lý trên sổ sách kế toán tài sản công của cơ quan và không thu hồi khi kết thúc nhiệm kỳ.
---	---

Điều 9. Một số nội dung và mức chi khác của Hội đồng nhân dân các cấp.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Tỉnh	Xã
1	Chi thăm hỏi khi ốm đau, lễ tang, các hoạt động khác			
a	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	1.000.000	500.000
b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	5.000.000	2.000.000
c	Trường hợp nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bị bệnh hiểm nghèo, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/lần (không quá 02 lần/năm).			
	Đối với nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bị bệnh hiểm nghèo, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định mức hỗ trợ, tùy theo điều kiện ngân sách địa phương.			
d	Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân. Thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân.	đồng/người	1.000.000	500.000
e	Phúng điếu: Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); Nguyên Thường trực Đảng ủy cấp huyện (cũ); Nguyên Thường trực HĐND cấp huyện (cũ); Thường trực Đảng ủy, nguyên Thường trực Đảng ủy cấp xã và thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng các đối tượng trên.	đồng/người	1.000.000	500.000
f	Mức chi phúng điếu như trên và 01 vòng hoa theo giá hiện hành nhưng không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa			

g	Chi thăm hỏi, phúng điếu, hỗ trợ đột xuất đối với các đối tượng khác; tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.			
2	Chi tặng phẩm là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nông sản đặc trưng vùng miền cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các tỉnh khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đến trao đổi, học tập kinh nghiệm.			
	Chi tặng phẩm là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nông sản đặc trưng vùng miền cho các đoàn khách ngoài tỉnh đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã đến trao đổi, học tập kinh nghiệm. Tặng phẩm cho đoàn khách quốc tế do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thực tế.			
a	Tặng phẩm tập thể (mức tối đa)	Đồng/đoàn khách	5.000.000	3.000.000
b	Tặng phẩm cá nhân (mức tối đa)	Đồng/cá nhân	1.000.000	
3	Nội dung chi khác từ kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân: Hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí địa phương và trung ương; cước công văn; văn phòng phẩm; đồ dùng vật tư; trang thiết bị, vật tư, máy móc; mời cơm thân; hoa, trái cây chúc mừng các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện; chi hỗ trợ nhằm động viên, biểu dương trẻ em tại Hội nghị tiếp xúc, đối thoại với trẻ em hằng năm và các khoản chi khác phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định.			

Điều 10. Một số nội dung chi đảm bảo hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo.

1. Chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và cho Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trao đổi,

học tập kinh nghiệm, tham dự Kỳ họp Quốc hội: 5.000.000 đồng/đoàn khách; 1.000.000 đồng/cá nhân.

2. Chi đón tiếp khách đối với khách do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng các ban Đảng, đoàn thể của Trung ương và tương đương trở lên, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, lãnh đạo Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương trở lên làm trưởng đoàn về thăm và làm việc tại tỉnh được ngân sách tỉnh cấp để chi các khoản: ăn, ở, đi lại cho các thành viên trong đoàn trong thời gian ở tại tỉnh.

Mức chi cơm thân, phòng nghỉ, tặng phẩm và các chi phí có liên quan đến việc đón tiếp đoàn khách do Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh phê duyệt theo thực tế.

3. Chi thăm hỏi ốm đau

- Đối tượng: Lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); nguyên Thường trực Cấp ủy cấp huyện (cũ).

- Mức chi: 1.000.000 đồng/người và không quá 02 lần/năm.

4. Chi phúng điếu

- Đối tượng: Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); nguyên Thường trực Cấp ủy cấp huyện (cũ); thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con các đối tượng trên.

- Mức chi: không quá 1.000.000 đồng/người

- Vòng hoa kèm theo phúng viếng không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa.

5. Các khoản chi khác chi từ nguồn ngân sách địa phương: xăng xe; văn phòng phẩm; trang thiết bị, vật tư, máy móc; mời cơm thân; hoa, trái cây chúc mừng các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh chưa quy định tại Điều 10 Nghị quyết do lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh quyết định.

6. Các khoản chi mời cơm thân, tặng phẩm phải có ý kiến phê duyệt của lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh./.

Số: 106 /BC-BPC

Gia Lai, ngày 19 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Để bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Gia Lai theo đúng quy định pháp luật, Ban Pháp chế HĐND tỉnh phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai và tổ chức lấy ý kiến tham gia của UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh và Thường trực HĐND 135 xã, phường bằng văn bản. Kết quả cụ thể:

- Có 75 đơn vị¹ gửi ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị quyết (trong đó 27 đơn vị² tham gia góp ý; 48 đơn vị³ thống nhất như dự thảo Nghị quyết). Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh tại các cuộc họp giao ban, phiên họp Thường trực trong tháng 4,5 năm 2026.

- Trong số 27 đơn vị tham gia ý kiến vào dự thảo nghị quyết, có 02 đơn vị⁴, Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã tiếp thu và chỉnh sửa trực tiếp vào dự thảo nghị quyết; riêng Sở Tài chính và Thường trực HĐND 24 xã, phường góp ý vào nội dung mức chi, Ban Pháp chế HĐND tỉnh tổng hợp, tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa lại một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết như sau:

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
I.	Sở Tài chính		
	Về nội dung dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung dự kiến kinh phí ngân sách tăng/giảm cho từng cấp để thực hiện dự thảo Nghị quyết theo từng cấp (tỉnh, xã) để có cơ sở rà soát khả năng cân đối ngân sách các cấp và bố trí dự toán kinh phí thực hiện	Khi áp dụng Nghị quyết mới thì kinh phí thực hiện như sau: Cấp tỉnh: Đối với năm chi trang phục nhiệm kỳ: dự kiến tiết kiệm (giảm) 74 triệu đồng. Đối với năm không chi trang phục nhiệm kỳ: dự kiến tiết kiệm (giảm) 279 triệu đồng. Kinh phí hoạt động HĐND tỉnh không xin cấp bổ sung và đảm bảo thực hiện trong dự toán hằng năm. Cấp xã: Đối với năm chi trang phục nhiệm kỳ: dự kiến tăng 122 triệu đồng; Đối với năm không chi trang phục nhiệm kỳ: dự kiến tăng 84 triệu đồng. + Tại Điều 2. Nguyên tắc thực hiện trong Dự thảo Nghị quyết có quy định “ <i>Kinh phí hoạt</i>	

¹ 75 đơn vị: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở KH và CN, Thống kê tỉnh và Thường trực HĐND 70 xã, phường

² 27 đơn vị: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Thống kê tỉnh và Thường trực HĐND 24 xã, phường

³ 48 đơn vị: Sở Nội vụ, Sở Khoa học Công nghệ và Thường trực HĐND 46 xã, phường

⁴ 02 đơn vị: Sở Tư pháp và Thống kê tỉnh

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		động cấp xã trong phạm vi được cấp hằng năm, cấp tỉnh không bổ sung thêm kinh phí cho cấp xã và đồng thời tùy theo tình hình ngân sách cấp xã, HĐND cấp xã được phép chi nhưng không vượt quá định mức theo Nghị quyết này”; như vậy kinh phí cấp xã phải đảm bảo chi trong dự toán ngân sách tỉnh cấp, không phát sinh bổ sung kinh phí. Trường hợp cấp xã có thể cân đối kinh phí thì thực hiện không quá mức chi theo Dự thảo Nghị quyết. Kinh phí Đoàn ĐBQH tỉnh đảm bảo trong kinh phí hỗ trợ hằng năm (quy định cụ thể tại Điều 2 Dự thảo).	
II.	Thường trực HĐND các xã, phường: 24 xã, phường		
1. Xã Tuy Phước Bắc	- Tại điểm b khoản 1 Điều 3: Đề nghị bổ sung nội dung chi tiền giải khát cho công chức, người lao động phục vụ kỳ họp HĐND. Đây là nhu cầu thực tế, phát sinh thường xuyên trong quá trình tổ chức kỳ họp.	Tiếp thu chỉnh sửa và quy định cụ thể 50.000 đồng/người/buổi tại Điều 3 theo thực tế phát sinh.	
	- Tại điểm d khoản 1 Điều 3: Đề nghị bổ sung chế độ hỗ trợ đối với đại biểu khách mời tham dự kỳ họp, mức đề xuất khoảng 90.000 đồng/người/kỳ họp, phù hợp với điều kiện thực tế, nhất là đối với các đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	Tiếp thu bổ sung mức chi cho đại biểu khách mời Điều 3. Không có cơ sở tăng mức chi đại biểu khách mời cấp xã 90.000 đồng/người /buổi. Đề xuất trong dự thảo tăng mức chi theo tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng tương ứng cấp xã theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định.	
	- Tại Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 5: Đề nghị xem xét điều chỉnh tăng định mức chi đối với cấp xã, bảo đảm tương xứng với khối lượng công việc, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao ở cơ sở.	Đề xuất trong dự thảo tăng mức chi theo tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng tương ứng cấp xã theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định.	
2. Xã Tây Sơn	- Điểm d khoản 1 Điều 4. Một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai: Sửa "Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung và Nghị quyết về công tác nhân sự bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm b khoản 1 Điều này" thành " <i>Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung và Nghị quyết về công tác nhân sự bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm c khoản 1 Điều này</i> ".	Tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp tại Điều 4 của dự thảo nghị quyết	
3. Xã Vĩnh Thạnh	- Tại điểm d khoản 1 Điều 3 của Quy định bổ sung mức chi cụ thể cho đại biểu nguyên là lãnh đạo cấp huyện (cũ) nay	Nội dung giữ nguyên theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định; quy định tại Điều 3	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	sinh sống trên địa bàn xã, phường và nguyên lãnh đạo cấp xã là 250.000 đồng/kỳ họp;	và do Thường trực cấp xã quyết định	
	- Tại khoản 3 Điều 10: Quy định bổ sung thêm đối tượng đại biểu HĐND thôi làm nhiệm vụ đại biểu do chuyển công tác, nghỉ hưu thì được tặng quà lưu niệm với mức chi theo quy định;	Tiếp thu và bổ sung mới tại Điều 8 trường hợp đại biểu thôi làm nhiệm vụ đại biểu.	
	- Tại Điều 10: đề nghị thay thế cụm từ "HĐND tỉnh" thành cụm từ "HĐND các cấp" sẽ phù hợp hơn.	Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp tại Điều 9 của dự thảo nghị quyết	
4.Xã Biển Hồ	1. Tại Điều 4 "Chi xây dựng Nghị quyết của HĐND, xây dựng Chương trình, Kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND, các Ban HĐND ". Đề nghị nâng mức chi cấp xã bằng 50% so với mức chi cấp tỉnh.	Không có cơ sở tiếp thu đề xuất mức chi cấp xã bằng 50% cấp tỉnh. Đề xuất trong dự thảo là tăng mức chi theo cách tính: trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng.	
	2. Tại Điều 5, khoản 1, điểm a "Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chấn vấn". Đề nghị nâng mức chi cấp xã bằng 50% so với mức chi cấp tỉnh.	Không có cơ sở tiếp thu đề xuất mức chi cấp xã bằng 50% cấp tỉnh. Đề xuất trong dự thảo là tăng mức chi theo cách tính: trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng.	
	3. Tại Điều 9, khoản 5, điểm a "Trong nhiệm kỳ: Đại biểu HĐND cấp tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Đại biểu HĐND cấp xã được cấp tiền may 01 bộ trang phục". Đề nghị nâng lên "Trong nhiệm kỳ: Đại biểu HĐND cấp tỉnh được cấp tiền may 03 bộ trang phục;	Không có cơ sở tiếp thu đề xuất, giữ nguyên theo Dự thảo là 02 bộ trang phục đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.	
	Đại biểu HĐND cấp xã được cấp tiền may 02 bộ trang phục".	Tiếp thu, điều chỉnh tại Điều 8 "Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, tùy vào ngân sách cấp xã, đại biểu được cấp tiền may không quá 02 bộ trang phục/nhiệm kỳ"	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	Điểm c "Trong nhiệm kỳ: Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Cán bộ, công chức của Văn phòng HĐND và UBND cấp xã giúp việc trực tiếp hoạt động HĐND được cấp tiền may 01 bộ trang phục". Đề nghị nâng lên cấp tỉnh 02 bộ nâng lên 03 bộ trang phục/nhiệm kỳ ; cấp xã 01 bộ nâng lên thành 02 bộ trang phục/nhiệm kỳ .	Tiếp thu, điều chỉnh tại Điều 8 "Đối với Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh cấp xã, đại biểu tùy ngân sách cấp xã được cấp tiền may không quá 02 bộ trang phục/nhiệm kỳ". Giữ nguyên định mức trang phục đối với cán bộ, công chức cấp tỉnh vì không có cơ sở tăng.	
5. Xã Ngô Mây	- Tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị quyết quy định chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của HĐND thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước" Kiến nghị bổ sung nội dung văn bản hướng dẫn cụ thể hơn, vì hiện nay Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã chưa được chi trả phụ cấp chức danh Chủ tịch HĐND xã kiêm nhiệm.	Thực hiện theo quy định hiện hành	
6. Xã Chư Sê	1. Tại điểm đ, khoản 1, điều 3 thuộc Chương II "Chi kỳ họp HĐND, phiên họp, cuộc họp Thường trực HĐND, Hội nghị giao ban giữa Thường trực HĐND các cấp, các hội nghị, cuộc họp khác của Thường trực HĐND". Đề nghị bổ sung mức chi chế độ cho đại biểu khách mời tham dự kỳ họp HĐND.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 3 của dự thảo nghị quyết	
	2. Tại Điều 4 Chương II "Chi xây dựng Nghị quyết của HĐND, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm của Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND, các Ban HĐND ". Đề nghị làm rõ nội dung chi tại điểm a, khoản 1; cụ thể, cần xác định mức chi tại điểm a là bao gồm cả tờ trình và dự thảo nghị quyết, hay chỉ áp dụng đối với tờ trình đề nghị ban hành nghị quyết, còn dự thảo nghị quyết sẽ chi tại điểm c khoản 1 Điều 4. - Trường hợp điểm c khoản 1 Điều 4 quy định đó là mức chi cho dự thảo nghị quyết thì cần phải bổ sung thêm mức chi cho cơ	Tiếp thu, chỉnh sửa, cộng gộp nội dung chi "Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết và Dự thảo Nghị quyết" thành mục a Khoản 1 Điều 4 của dự thảo nghị quyết	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	quan, đơn vị thực hiện việc hoàn thiện nghị quyết. 3. Bổ sung Điều 6 Chương II "Chi hoạt động tiếp xúc cử tri". Đề nghị bổ sung kinh phí chi cho các khách mời tham dự tiếp xúc cử tri; cán bộ, công chức phục vụ buổi tiếp xúc cử tri và chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị cử tri từ các Tổ đại biểu chuyên về. 4. Tại Điều 8 Chương II "Chi hỗ trợ Tổ đại biểu" "Nội dung chi tại khoản 1, bao gồm: Công tác phí cho đại biểu về TXCT, xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của tổ và phục vụ các hoạt động giám sát, khảo sát và các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Tổ đại biểu". Tuy nhiên, nội dung chi cho hoạt động TXCT của đại biểu đã được quy định tại khoản 2 Điều 6; đồng thời, việc xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của tổ đã được thể hiện tại nội dung chi ở khoản 2 của Điều 8. Như vậy, các nội dung chi nêu trên có dấu hiệu trùng lặp. Đề nghị xem xét rà soát, quy định lại cho rõ ràng, cụ thể nội dung chi của tổ đại biểu để Thường trực HĐND xã có cơ sở thực hiện chi tiêu thuận lợi, đúng quy định.	Dự thảo đã quy định tiền khoản hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri, khoản tiếp xúc cử tri đối với đại biểu Hội đồng nhân dân nên không chi hỗ trợ các nội dung khác. Tiếp thu và chỉnh sửa quy định cụ thể tại Điều 6, Điều 7. Khoản chi TXCT tại khoản 2 Điều 6 là chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri, chưa bao gồm công tác phí cho đại biểu đi TXCT. Khoản 1 Điều 7 khoản kinh phí hoạt động tổ gồm có công tác phí cho đại biểu đi TXCT là không trùng lặp.	
7. Xã Chư Puh	1. Đề nghị quy định tất cả các mức chi của cấp xã bằng 50% trở lên so với cấp tỉnh, để phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND, các Ban HĐND, các Tổ Đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND cấp xã. Hiện tại, đã thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, vì vậy nên quy định mức chi phù hợp cho cấp xã có điều kiện hoạt động hiệu quả.	Không có cơ sở tiếp thu đề xuất mức chi cấp xã bằng 50% cấp tỉnh. Mức chi cấp xã đề xuất trong dự thảo dựa trên 2 cách tính như sau: - Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho cá nhân: định mức chi cấp xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng. - Chi tiền văn bản: trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng.	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	2. Đề nghị rà soát lại các Điều của Nghị quyết chưa thống nhất với các nội dung thuộc các Điều như: Điều 5. Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn. Nhưng tại điểm a, b, c khoản 1 chỉ quy định hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát mà không quy định đến nội dung "chi hoạt động chất vấn" và Tại mục b, khoản 1 điều 5, chỉ xây dựng văn bản giám sát của các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND bằng 90% mức chi... nên thêm cụm từ chỉ xây dựng văn bản giám sát, "khảo sát, kiểm tra".	Tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp tại Điều 5 của dự thảo nghị quyết	
	Báo cáo thẩm tra các dự thảo Nghị quyết mức chi cấp xã 180.000 đồng/tháp so với nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết của các ban HĐND cấp xã, đề nghị nâng lên mức 350.000 đồng/ 1 văn bản báo cáo thẩm tra.	Không có cơ sở tiếp thu tăng mức chi cấp xã lên mức 350.000 đồng/1 văn bản BCTT. Dự thảo đề xuất mức chi là trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng.	
	3. Tại Điều 3 "Chi kỳ họp HĐND, phiên họp, cuộc họp Thường trực HĐND, các ban HĐND, Hội nghị giao ban giữa Thường trực HĐND các cấp, các Hội nghị, các cuộc họp khác của Thường trực HĐND ". Nhưng chỉ đề cập nội dung chi bồi dưỡng kỳ họp HĐND các cấp, chưa dự thảo nội dung chi các cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND và các ban HĐND. Đề nghị bổ sung quy định về mức chi hội họp, ban hành văn bản đối với các Ban HĐND xã. các Tổ Đại biểu HĐND xã. Tại Mục D, Khoản 1, Điều 3.	Tiếp thu chỉnh sửa phù hợp tại Điều 3. Chế độ bồi dưỡng các cuộc họp không có quy định theo Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND vì vậy thực hiện theo quy định hiện hành, không quy định trong dự thảo. Đối với chế độ họp tổ không quy định trong dự thảo Nghị quyết vì đã được khoán trong kinh phí hoạt động tổ tại Điều 7.	
	Mức chi chế độ bồi dưỡng Kỳ họp của Thư Ký kỳ họp cao hơn so với đại biểu HĐND cấp tỉnh và cấp xã là không phù hợp. Bởi vì đại biểu HĐND tham gia kỳ họp phải nghiên cứu rất nhiều tài liệu văn bản và làm nhiệm vụ đại biểu tại kỳ họp. Đề nghị điều chỉnh mức chi hỗ trợ đại biểu HĐND cao hơn thư ký kỳ họp.	Nội dung này dự thảo đề xuất giữ nguyên vì mức chi là phù hợp dựa trên cơ sở mức chi cũ (Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND của tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá. Mặt khác thư ký kỳ họp có thêm nhiệm vụ ghi biên bản, phục vụ kỳ họp nên chế độ thư ký cao hơn đại biểu là phù hợp.	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	4. Tại mục a, c Khoản 5. Chi hỗ trợ may trang phục. Trong dự thảo nghị quyết cấp tỉnh được cấp may 2 bộ trang phục, cấp xã được cấp may 01 bộ trang phục trong nhiệm kỳ. Đề nghị bổ sung vào nghị quyết cấp xã được cấp may 2 bộ trang phục trong nhiệm kỳ để có trang phục đại biểu HĐND và công chức phục vụ HĐND mặc vào mùa đông và mùa hè.	Đã tiếp thu, điều chỉnh tại Điều 8 của dự thảo nghị quyết.	
	5. Tại Điều 10 "Một số nội dung và mức chi khác của HĐND tỉnh" đề nghị chỉnh sửa thành " Một số nội dung và mức chi khác của HĐND các cấp".	Đã tiếp thu, điều chỉnh tại Điều 9 của dự thảo nghị quyết.	
8. Xã Ia HRú	- Tại Điều 3 "Chi kỳ họp HĐND, phiên họp, cuộc họp Thường trực HĐND, Các ban HĐND, Hội nghị giao ban giữa Thường trực HĐND các cấp, các Hội nghị, các cuộc họp khác của Thường trực HĐND ". Nhưng chỉ đề cập nội dung chi bồi dưỡng kỳ họp HĐND các cấp, chưa dự thảo nội dung chi các cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND và các ban HĐND. Đề nghị bổ sung quy định về mức chi hội họp, ban hành văn bản đối với các Ban HĐND xã, các Tổ Đại biểu HĐND.	Tiếp thu chỉnh sửa phù hợp tại Điều 3 của dự thảo nghị quyết. Chế độ bồi dưỡng các cuộc họp không có quy định theo Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND vì vậy thực hiện theo quy định hiện hành, không quy định trong dự thảo. Đối với chế độ họp tổ không quy định trong dự thảo Nghị quyết vì đã được khoán trong kinh phí hoạt động tổ tại Điều 7.	
	- Tại Mục D, Khoản 1, Điều 3. Mức chi chế độ bồi dưỡng Kỳ họp của Thư Ký kỳ họp cao hơn so với đại biểu HĐND cấp tỉnh và cấp xã là không phù hợp. Vì đại biểu HĐND tham gia kỳ họp phải nghiên cứu rất nhiều tài liệu văn bản và làm nhiệm vụ đại biểu tại kỳ họp là rất nặng nề. Đề nghị điều chỉnh mức chi hỗ trợ đại biểu HĐND cao hơn thư ký kỳ họp.	Nội dung này dự thảo đề xuất giữ nguyên vì mức chi là phù hợp dựa trên cơ sở mức chi cũ (Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND của tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá. Mặt khác thư ký kỳ họp có thêm nhiệm vụ ghi biên bản, phục vụ kỳ họp nên chế độ thư ký cao hơn đại biểu là phù hợp.	
9. Xã Ya Hội	1. Tại Điểm d Khoản 1 Điều 4 quy định: d) Các nghị quyết sửa đổi, bổ sung và nghị quyết về công tác nhân sự bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm b khoản 1 Điều này..."Đề xuất điều chỉnh lại như sau:...d) Các nghị quyết sửa đổi, bổ sung và nghị quyết về công tác nhân sự bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm c khoản 1 điều này.."	Tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp tại Điều 4 của dự thảo nghị quyết	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	2. Khoản 2, Điều 4 : "HĐND báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương" Đề xuất bổ sung cụm từ như sau: "HĐND, Thường trực HĐND báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương"	Tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp tại Điều 4 của dự thảo nghị quyết	
	3. Khoản 13, Điều 9 Cấp xã: Tùy theo điều kiện ngân sách địa phương, Thường trực HĐND cấp xã quyết định việc cấp máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) cho đại biểu HĐND cấp mình. " Đề xuất bổ sung thêm như sau: "<i>Tùy theo điều kiện ngân sách địa phương, Thường trực HĐND cấp xã quyết định việc cấp 01 máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) cho mỗi đại biểu HĐND cấp mình trong một nhiệm kỳ</i>".	Tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp tại Điều 8 của dự thảo nghị quyết	
	4. Điểm d, Khoản 1, Điều 10: ...Phúng điệu: Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); Thường trực, nguyên Thường trực Đảng ủy cấp xã; nguyên Thường trực Đảng ủy cấp huyện (cũ) và tư thân phụ mẫu các đối tượng trên. Mức chi phúng điệu như trên và 01 vòng hoa theo giá hiện hành nhưng không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa... Đề xuất viết rõ thành phần của cụm từ: "tư thân phụ mẫu", để thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết.	Tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp tại Điều 9 của dự thảo nghị quyết	
	5. Tại Khoản 4, Điều 10: "Chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh Gia Lai và cho HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND các tỉnh khi HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh Gia Lai đến trao đổi, học tập kinh nghiệm. Tặng phẩm tập thể; Tặng phẩm cá nhân; Tặng phẩm cho đoàn khách quốc tế do Thường trực HĐND tỉnh quyết định theo thực tế". Đề	Tiếp thu, bổ sung tại Điều 9 mức chi tặng phẩm cấp xã cho tập thể với mức chi: 3.000.000 đồng/tập thể. Áp dụng cho trường hợp đi ngoài tỉnh phù hợp với thực tiễn.	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	xuất bổ sung thêm mức cho cấp xã: mức chi không quá 60% của cấp tỉnh. 6. Tại khoản 5, Điều 11: "Các khoản chi khác từ nguồn ngân sách địa phương: xăng xe; văn phòng phẩm; trang thiết bị, vật tư, máy móc; mời cơm thân; hoa, trái cây chúc mừng các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh do lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh quyết định". Hiện tại Văn phòng Đảng ủy xã Ya Hội có 01 đồng chí Bí thư kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Ya Hội là Đại biểu Quốc hội. Việc chi trả tiền xăng xe, công tác phí cho đồng chí đi họp các kỳ họp của Quốc hội hiện tại lấy từ kinh phí khoán chi thường xuyên của Văn phòng chi trả, tuy nhiên định mức khoán chi thường xuyên trên mỗi biên chế ít dẫn đến thiếu kinh phí chi trả các khoản chi thường xuyên khác của Văn phòng. Hiện dự thảo chưa quy định rõ nên khó thanh toán. Để có cơ sở chi tiền xăng xe, công tác phí cho đại biểu Quốc hội đang công tác tại Văn phòng Đảng ủy xã Ya Hội. Đề xuất bổ sung: chi hỗ trợ xăng xe, công tác phí đối với đại biểu Quốc hội đang công tác tại cấp xã khi tham gia các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (TXCT, khảo sát, giám sát, hội nghị, làm việc theo phân công).	Dự thảo quy định những nội dung chi từ nguồn ngân sách địa phương đối với hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội. Trường hợp đại biểu Quốc hội khi thực hiện nhiệm vụ thanh toán công tác phí theo quy định tại Điều 11, Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 và Hướng dẫn 2106/HD-VPQH ngày 07/12/2021 và từ nguồn kinh phí của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Việc bổ sung quy định cho địa phương là không phù hợp.	
10. Xã Sơn Lang	1. Điều 10: "Một số nội dung và mức chi khác của HĐND tỉnh" sửa đổi, điều chỉnh thành "Một số nội dung và mức chi khác của HĐND các cấp"	Bổ sung, chỉnh sửa tại Điều 9 của dự thảo nghị quyết	
	2. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại điểm d, khoản 1 Điều 10 như sau: "Phúng điếu: Lãnh đạo trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh..., nguyên thường trực Đảng ủy cấp huyện (cũ) và... Đề nghị sửa đổi, bổ sung thành: "Phúng điếu: Lãnh đạo trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh ...; nguyên Thường trực Đảng ủy cấp huyện (cũ); nguyên Thường trực HĐND cấp huyện (cũ) và tư thân ..."	Bổ sung, chỉnh sửa tại Điều 10 của dự thảo nghị quyết	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	3. Đề nghị bổ sung nội dung và mức chi: Chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND cấp xã và cho HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND các xã khác khi HĐND, Thường trực HĐND xã đến trao đổi học tập kinh nghiệm. Mức do Thường trực HĐND cấp xã quyết định. Nhưng không quá 03 triệu đồng/đoàn khách và 01 triệu đồng/ cá nhân.	Tiếp thu, bổ sung tại Điều 9 mức chi tặng phẩm cấp xã cho tập thể với mức chi: 3.000.000 đồng/tập thể. Áp dụng cho trường hợp đi ngoài tỉnh phù hợp với thực tiễn.	
11. Xã Kông Chro	1. Về Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn (trang 6 của Phụ lục so sánh), đề nghị điều chỉnh:		
	Điểm a, khoản 1, Phần IV: - Chi thành lập đoàn kiểm tra, giám sát (Quyết định, kế hoạch và đề cương): Đề nghị tăng từ 250.000đ/bộ văn bản lên 700.000, bằng 0,73% so với cấp tỉnh. - Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: Đề nghị tăng từ 570.000đ/bộ văn bản lên 1.650.000 bằng 0,75% so với tỉnh.	Không có cơ sở tiếp thu mức tăng của cấp xã. Dự thảo đề xuất mức chi là trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chi số giá tiêu dùng là phù hợp, có cơ sở.	
	- Khoản tiếp xúc cử tri: Cấp xã đề nghị tăng từ đề nghị tăng lên 3.750.000đ/năm, bằng 0,75% so với tỉnh.	Không có cơ sở tiếp thu mức chi cấp xã bằng 75% cấp tỉnh. Dự thảo lấy cơ sở trên mức chi cũ trong Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND: cấp xã: 190.000đ/điểm/người x 14 điểm/người/năm	
	2. Khoản 1, Phần VII (trang 9 của Phụ lục so sánh): Kinh phí khoán hoạt động của Tổ đại biểu HĐND xã (cấp theo số lượng mỗi tổ): Cấp xã đề nghị tăng từ 2.500.000đ/năm lên 3.750.000đ/năm, bằng 0,75% so với tỉnh.	Không có cơ sở tiếp thu mức chi cấp xã bằng 75% cấp tỉnh. Dự thảo giữ nguyên mức chi hỗ trợ tổ đại biểu bằng với mức chi cấp huyện (theo NQ 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định)	
	3. Phần VIII (trang 11 của Phụ lục so sánh) Khoản 5, Phần VII(trang 12 của Phụ lục so sánh): Chi trang phục- Điểm a: Đề nghị điều chỉnh: Trong nhiệm kỳ đại biểu HĐND xã được cấp tiền may từ 01 bộ trang phục lên 02 bộ trang phục (Đề nghị hỗ trợ bằng với cấp tỉnh, vì cấp xã cũng thực hiện các nhiệm vụ của người đại biểu HĐND như đại biểu HĐND cấp tỉnh)	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 8 của dự thảo Nghị quyết	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	- Điểm c: Đề nghị điều chỉnh: Trong nhiệm kỳ công chức của Văn phòng HĐND và UBND cấp xã, giúp việc trực tiếp cho hoạt động HĐND được cấp tiền may từ 01 bộ trang phục lên 02 bộ trang phục (Đề nghị hỗ trợ bằng với cấp tỉnh).	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 8 của dự thảo Nghị quyết	
	4. Khoản 5, Phần IX (trang 15 của Phụ lục so sánh):		
	- Chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND các cấp tỉnh Gia Lai và cho HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND các tỉnh khi HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND các cấp tỉnh Gia Lai đến trao đổi, học tập kinh nghiệm quyết định theo thực tế. Đề nghị bổ sung đối với cấp xã: Tặng phẩm tập thể: 3.000.000/tập thể; tặng phẩm cá nhân: 1.000.000/cá nhân.	Tiếp thu, bổ sung tại Điều 9 mức chi tặng phẩm cấp xã cho tập thể với mức chi: 3.000.000 đồng/tập thể. Áp dụng cho trường hợp đi ngoài tỉnh phù hợp với thực tiễn.	
12. Xã Đăk Song	1. Điểm d khoản 1 Điều 3 quy định mức chi cho Kỳ họp HĐND, đề nghị bổ sung quy định mức chi chế độ cho đại biểu khách mời tham dự Kỳ họp. Lý do khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu khách mời đến dự cũng tham gia đóng góp ý kiến, bỏ thời gian nghiên cứu tài liệu, theo Nghị quyết 40 vẫn được chi.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết	
	2. Tại Điều 5: Đề nghị bỏ cụm từ "kiểm tra" ghi lại như sau: "Chi hoạt động giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn". Lý do HĐND thực hiện giám sát theo Luật hoạt động giám sát Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025 và Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND, không thực hiện chức năng nhiệm vụ "kiểm tra".	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 5 của dự thảo Nghị quyết	
	3. Tại khoản 2, Điều 6 "chi khoán hoạt động tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND 2.500.000 đồng/năm"; tại khoản 1, Điều 8 quy định "khoán kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu HĐND 2.500.000 đồng/ đại biểu/ năm"; tại mục 2, khoản 7, Điều 9 quy định "khoán hỗ trợ chi phí đi lại để thực	Tiếp thu, chỉnh sửa chi tiết nội dung mức khoán tại Điều 6, Điều 7 của dự thảo Nghị quyết	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	hiện nhiệm vụ cho HĐND 2.500.000 đồng/đại biểu/ năm". Cách ghi quy định cần cụ thể hơn trong nội dung chi, nội dung chi gần giống nhau, khó khăn cho thực hiện chi theo quy định.		
	4. Khoản 3, Điều 9: "Đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ mua BHYT từ nguồn kinh phí hoạt động HĐND cùng cấp". Đề nghị bổ sung thêm "hỗ trợ mua BHXH".	Không có cơ sở để tiếp thu đề xuất vì căn cứ theo Luật BHXH chỉ được hỗ trợ mua BHYT cho đại biểu HĐND không hưởng lương ngân sách nhà nước	
	5. Điểm a, khoản 5, Điều 9: "Trong nhiệm kỳ: Đại biểu HĐND cấp tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Đại biểu HĐND cấp xã được cấp tiền may 01 bộ trang phục". Để đảm bảo trang phục cho đại biểu HĐND cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong 01 nhiệm kỳ đề nghị bổ sung sửa đổi như sau: "Trong nhiệm kỳ: Đại biểu HĐND cấp tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Đại biểu HĐND cấp xã được cấp tiền may 02 bộ trang phục".	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 9 của dự thảo Nghị quyết	
13. Xã Chợ Long	1. Điều 4: Chi xây dựng Nghị quyết của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND, các Ban HĐND		
	- Mục 1a: Chi xây dựng tờ trình đề nghị ban hành nghị quyết HĐND xã từ 200.000 tăng lên 500.000.		
	- Mục 1b: Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết HĐND xã từ 180.000 tăng lên 350.000		
	- Mục 1c: Chi xây dựng nghị quyết HĐND xã từ 320.000 tăng lên 600.000	Không có cơ sở tiếp thu tăng mức chi cấp xã. Dự thảo đề xuất mức chi là trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng.	
	- Mục 2: HĐND báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương: từ 220.000 tăng lên 350.000		
	- Mục 3: Chi báo cáo công tác sơ kết, tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề của HĐND, thường trực HĐND xã từ 370.000 tăng lên 1.000.000		
	2. Điều 5: Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn		

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	- Mục 1a: + Chi thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát(quyết định, kế hoạch và đề cương) từ 250.000 tăng lên 550.000		
	+ Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát từ 570.000 tăng lên 1.100.000		
	3. Điều 6: Chi hoạt động tiếp xúc cử tri tăng lên 3.500.000 Mục 2: Chi khoán hoạt động tiếp xúc cử tri cho đại HĐND xã từ 2.500.000	Không có cơ sở tiếp thu mức chi cấp xã bằng 75% cấp tỉnh. Dự thảo lấy cơ sở trên mức chi cũ trong Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND: cấp xã: 190.000đ/điểm/người x 14 điểm/người/năm	
	4. Điều 8: Chế độ hỗ trợ đại biểu Mục 1: Khoán kinh phí hoạt động của tổ đại biểu HĐND xã từ 2.500.000 tăng lên 3.500.000	Không có cơ sở tiếp thu tăng mức chi cấp xã. Dự thảo giữ nguyên mức chi hỗ trợ Tổ đại biểu bằng mức chi cấp huyện (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định)	
	5. Điều 10: Một số nội dung và mức chi khác của HĐND tỉnh Mục 1b: Trường hợp đại biểu HĐND xã bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm) từ 2.000.000 tăng lên 3.000.000	Dự thảo Nghị quyết đề xuất giữ nguyên mức chi theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND của tỉnh Bình Định cũ cho cấp tỉnh, cấp xã.	
14. Xã Phú Thiện	Điều 10: Một số nội dung và mức chi khác của HĐND tỉnh đối với nội dung chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm, đề xuất bổ sung thêm mức chi đối với cấp xã: Tặng phẩm tập thể: 3.000.000đ/tập thể; Tặng phẩm cá nhân: 500.000đ/cá nhân. Lý do: Phù hợp với điều kiện ngân sách cấp xã, đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả trong chi tiêu.	Tiếp thu, bổ sung tại Điều 9 mức chi tặng phẩm cấp xã cho tập thể với mức chi: 3.000.000 đồng/tập thể. Áp dụng cho trường hợp đi ngoài tỉnh phù hợp với thực tiễn.	
15. Xã Chư A Thai	- Điểm d khoản 1 Điều 3: quy định mức chi bồi dưỡng kỳ họp HĐND cấp xã, mức chi đối với người chủ tọa kỳ họp là 200.000 đồng/buổi. Căn cứ khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Chủ tịch HĐND cấp xã là người chủ tọa các phiên họp của HĐND. Tuy nhiên, trong một số trường hợp thực tế, Phó Chủ tịch HĐND xã được phân công tham gia điều hành kỳ họp. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ trường hợp Phó Chủ tịch HĐND xã	Khoản 4 Điều 3, Dự thảo quy định đối tượng hưởng chế độ bồi dưỡng kỳ họp là chủ tọa kỳ họp, vì vậy đề nghị đơn vị căn cứ tình hình thực tế để chi, việc cụ thể hóa quy định chi tiết đối tượng trong trường hợp này là không cần thiết. Đề nghị giữ nguyên theo Dự thảo.	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	được phân công thực tế giữ vai trò chủ tọa hoặc điều hành kỳ họp theo phân công hợp lệ thì có được áp dụng mức chi 200.000 đồng/buổi hay không, nhằm bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, thanh toán và quyết toán kinh phí.		
	3. Khoản 13, Điều 9: Về trang bị máy móc thiết bị phục vụ công tác: Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, bổ sung cơ chế ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách cấp xã (đặc biệt đối với các xã khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và xã đặc biệt khó khăn) để trang bị máy vi tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương đương cho đại biểu HĐND cấp. Việc hỗ trợ này nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong thực hiện lộ trình số hóa, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND tại cơ sở.	Dự thảo có quy định tùy tình hình ngân sách địa phương để bố trí kinh phí tại Điều 9.	
	4. Điểm e Khoản 1 Điều 10: Chi tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau: Chi tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết và ngày truyền thông của các tổ chức chính trị và chính trị xã hội trên địa bàn xã do Thường trực HĐND các cấp quyết định trong phạm vi dự toán được giao.	Dự thảo đã có quy định tại Điều 9	
16. Xã Phú Túc	Tại Điều 4. Đề nghị điều chỉnh tăng mức chi đối với các nội dung: xây dựng Nghị quyết của HĐND, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của HĐND, Thường trực HĐND, các ban HĐND; Báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND, các ban HĐND; Đối với cấp xã đề nghị điều chỉnh tăng khoảng 50% so với mức chi của cấp tỉnh nhằm đảm bảo điều kiện hoạt động thực tế hiện nay, cụ thể: 1. Chi xây dựng dự thảo Nghị quyết a. Chi xây dựng tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết: Từ mức 200.000 đồng lên mức 450.000 đồng. b. Báo cáo thẩm tra các dự thảo Nghị quyết: Từ mức 180.000 đồng lên mức 325.000 đồng.	Không có cơ sở tiếp thu mức chi cấp xã bằng 50% cấp tỉnh. Dự thảo dựa trên cách tính như sau: - Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho cá nhân: định mức chi cấp xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng. - Chi tiền văn bản: trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng.	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	c. Chi xây dựng các Nghị quyết: Từ mức 320.000 đồng lên 600.000 đồng.		
	2. HĐND báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương: Từ mức 200.000 đồng lên mức 375.000 đồng.		
	3. Chi Báo cáo công tác sơ kết, tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề của HĐND, Thường trực HĐND: Từ mức 370.000 đồng lên mức 750.000 đồng.		
	II. Tại điểm a, khoản 1, Điều 5. Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn. Đề nghị cấp xã điều chỉnh tăng khoảng 50% so với mức chi cấp tỉnh:		
	1. Chi hoạt động kiểm tra, giám sát a. Chi xây dựng văn bản kiểm tra, giám sát của HĐND, Thường trực HĐND: - Chi thành lập đoàn kiểm tra, giám sát (quyết định, kế hoạch và đề cương): Từ 250.000 đồng/ bộ văn bản lên 475.000 đồng/ bộ văn bản. - Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: Từ 570.000 đồng/báo cáo lên 1.100.000 đồng/báo cáo.		
	III. Tại khoản 13 Điều 9. Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác		
	+ Đối với cấp xã: đề nghị quy định: Trong một nhiệm kỳ, mỗi đại biểu HĐND cấp xã được trang bị 01 máy tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) để sử dụng phần mềm kỳ họp không giấy.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 8 của dự thảo nghị quyết	
17. Xã Đak Somei	IV. Tại Điều 10. Đề nghị bổ sung đầy đủ: "Một số nội dung và mức chi của HĐND tỉnh, Cấp xã".	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 9 của dự thảo nghị quyết	
	Tại khoản d, Điều 3 Chương II về Quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và ĐBQH tỉnh Gia Lai. Đề nghị bổ sung chi kỳ họp HĐND cấp xã cho đại biểu mời ở các thôn, làng không hưởng lương từ ngân sách.	Đề nghị đơn vị thực hiện bồi dưỡng theo chế độ hội nghị tại Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND đối với đại biểu không hưởng lương từ ngân sách.	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
18. Xã Đức Cơ	Điều 4. Chi xây dựng Nghị quyết của HĐND; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND, các Ban HĐND" đã đề cập đến nội dung chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm. Tuy nhiên, trong quy định mức chi tại Điều 4 chưa có nội dung chi tương ứng.	Tiếp thu, điều chỉnh và sửa đổi tên Điều 4 thành "Chi xây dựng văn bản" của dự thảo nghị quyết	
19. Phường Quy Nhơn Bắc	- Tại điểm d, Khoản 1, Điều 3: Chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND. Đề nghị giữ nguyên thành phần "Đại biểu mời tham dự kỳ họp" và mức chi theo Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND	Tiếp thu bổ sung mức chi cho đại biểu khách mời Điều 3 của dự thảo nghị quyết	
	+ Theo dự thảo Nghị quyết thì Đại biểu tham dự kỳ họp HĐND ở cấp xã có thành phần mời tham dự là Bí thư chi bộ, Trưởng Khu phố, Trưởng ban công tác Mặt trận các Khu phố (thuộc đối tượng không hưởng lương từ NSNN và không là đại biểu HĐND phường) nhận chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách chi trả lương của CQNN, mức chi 150.000 đồng/ngày/người theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.	Đề nghị đơn vị thực hiện bồi dưỡng theo chế độ hội nghị tại Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND đối với đại biểu không hưởng lương từ ngân sách	
	+ Là đại biểu HĐND phường thì mức chi 120.000 đồng/buổi/người theo dự thảo Nghị quyết mới và chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách chi trả lương của CQNN 150.000 đồng/ngày/người theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.	Đề nghị đơn vị thực hiện bồi dưỡng theo chế độ hội nghị tại Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND đối với đại biểu không hưởng lương từ ngân sách	
20. Phường An Nhơn Đông	Điều 5: "Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn". Tuy nhiên, khi đối chiếu xuống các nội dung chi cụ thể, văn bản chỉ quy định các mức chi cho công tác xây dựng văn bản kiểm tra, giám sát, khảo sát và bồi dưỡng đoàn; chưa thấy quy định mức chi cụ thể cho "hoạt động chất vấn". Đề nghị bổ sung định mức chi cho hoạt động chất vấn để đảm bảo đúng với tên gọi của Điều 5.	Tiếp thu, chỉnh sửa Điều 5 của dự thảo nghị quyết	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
21. Phường Diên Hồng	Tại Điều 4: "Chi xây dựng Nghị quyết của HĐND, xây dựng Chương trình, Kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND, các Ban HĐND ". Đề nghị nâng mức chi cấp xã bằng 50% so với mức chi cấp tỉnh.	Không có cơ sở tiếp thu mức chi cấp xã bằng 50% cấp tỉnh. Dự thảo dựa trên cách tính như: - Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho cá nhân: định mức chi cấp xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng. - Chi tiền văn bản: trung bình mức chi cấp huyện và xã (theo Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định) nhân tỷ lệ % chỉ số giá tiêu dùng.	
	Điểm a khoản 1 Điều 5: "Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn". Đề nghị nâng mức chi cấp xã bằng 50% so với mức chi cấp tỉnh.		
22. Phường An Phú	Đề nghị kiểm tra lại đối với 02 nội dung: Tại khoản 2 Điều 6 "Chi khoán hoạt động tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND" và tại khoản 1 Điều 8 "Khoán kinh phí hoạt động của tổ đại biểu HĐND (cập theo số lượng đại biểu mỗi tổ). Nội dung chi bao gồm: Công tác phí cho đại biểu về tiếp xúc cử tri, xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của tổ và phục vụ các hoạt động giám sát, khảo sát. Và hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của tổ đại biểu" là quy định hai nội dung chi khác nhau hay cùng một nội dung chi. Nếu hai nội dung chi khác nhau thì tại khoản 2 Điều 6 đề nghị điều chỉnh cụm từ phân đơn vị tính "đồng/năm" thành "đồng/đại biểu/năm".	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 6, Điều 7 của dự thảo nghị quyết	
	- Tại điểm a khoản 5 Điều 9 đề nghị xem xét cấp tiền may trang phục của đại biểu HĐND cấp xã 02 bộ/đại biểu/nhiệm kỳ.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 8 của dự thảo nghị quyết	
23. Phường An Bình	1. Điểm b khoản 1 điều 3: Tiền giải khát đại biểu HĐND và đại biểu mời thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ hội nghị. Đề xuất thay đổi cụm từ "Đại biểu HĐND và đại biểu mời" đổi thành: "Đại biểu tham dự". Lý do: Trong các cuộc họp các thành phần tham gia ngoài các đại biểu HĐND và đại biểu mời còn các lực lượng tham gia phục vụ và tham gia trực tiếp vào các hội nghị, cuộc họp như: Chuyên viên phụ trách thuộc các ban, chuyên viên phụ trách được giao nhiệm vụ của HĐND tại VP HĐND-UBND không là đại biểu HĐND chỉ được giao nhiệm vụ thư ký,...		
		Tiếp thu chỉnh sửa và quy định cụ thể 50.000 đồng/người/buổi tại Điều 3 theo thực tế phát sinh.	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	2. Tại điểm d khoản 1 điều 3: Về chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND Đề nghị bổ sung đối tượng là "Đại biểu mời tham dự kỳ họp" (giữ nguyên đối tượng như Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND) và quy định mức chi bằng mức chi bồi dưỡng cho Đại biểu HĐND. Lý do: Tạo sự đồng bộ vì tất cả thành phần tham gia kỳ họp đều có chế độ bồi dưỡng nhưng dự thảo Nghị quyết chưa quy định đối với đại biểu mời tham dự kỳ họp.	Tiếp thu bổ sung mức chi cho đại biểu khách mời Điều 3 của dự thảo nghị quyết	
	3. Tại điểm c khoản 5 Điều 9: "Trong nhiệm kỳ: Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Cán bộ, công chức của Văn phòng HĐND và UBND cấp xã giúp việc trực tiếp hoạt động HĐND được cấp tiền may 01 bộ trang phục"	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 8 của dự thảo nghị quyết	
	Đề xuất bổ sung đối tượng được cấp tiền may trang phục là <i>công chức các Ban của HĐND</i>: "Trong nhiệm kỳ: Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Cán bộ, công chức của Văn phòng HĐND và UBND cấp xã giúp việc trực tiếp hoạt động HĐND, công chức các Ban của HĐND được cấp tiền may 01 bộ trang phục". Lý do: Công chức các Ban của HĐND thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Ban, Thường trực HĐND như công chức Văn phòng HĐND và UBND giúp việc trực tiếp hoạt động HĐND. Do vậy, nên ghi rõ để cụ thể, dễ hiểu và nhất quán trong quá trình thực hiện.	Đề nghị đơn vị thực hiện theo Điều 8 của dự thảo nghị quyết	
	4. Tại khoản 3 điều 10: "Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho HĐND khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực HĐND quyết định". Đề nghị bổ sung cụm từ các Ban của HĐND vào sao từ HĐND. Thành: "Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho HĐND, các Ban HĐND khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi	Đề nghị đơn vị thực hiện theo Điều 9 của dự thảo nghị quyết	

TT	Nội dung đề nghị	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	do Thường trực HĐND quyết định". Lý do: Cán bộ, công chức phục vụ các Ban HĐND cũng trực tiếp tham mưu, thực hiện nhiệm vụ HĐND; dễ hiểu, tránh nhầm lẫn.		
	5. Tại khoản 4 điều 10: về chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm... Đề nghị: Bổ sung thêm mức chi của cấp xã hoặc giao cho Thường trực HĐND xã quyết định phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Lý do: Phù hợp với nhiệm vụ thực tế ở cấp xã và thống nhất các nội dung chi từ tỉnh đến xã.	Tiếp thu, bổ sung tại Điều 9 mức chi tặng phẩm cấp xã cho tập thể với mức chi: 3.000.000 đồng/tập thể. Áp dụng cho trường hợp đi ngoài tỉnh phù hợp với thực tiễn.	
24. Xã Ia Nan	1. Tại khoản d, mục 1 (Chế độ chi bồi dưỡng kỳ họp HĐND): Đề nghị xem xét chi hỗ trợ cho Đại biểu khách mời tham dự kỳ họp.	Tiếp thu bổ sung mức chi cho đại biểu khách mời Điều 3 của dự thảo nghị quyết	
	2. Xem xét chi Xây dựng Biên bản kỳ họp, đề cương báo cáo kết quả kỳ họp HĐND.	Đã tiếp thu, bổ sung mức chi tại Điều 4 của dự thảo nghị quyết	
	3. Xem xét chi chế độ bồi dưỡng họp giao ban định kỳ Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Chi chế độ họp Thẩm tra các dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp.	Không có căn cứ xây dựng chế độ chi bồi dưỡng họp, đề nghị đơn vị thực hiện theo Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND	

Trên đây là Báo cáo tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai. Kính trình HĐND tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, BPC.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**

Đinh Ly An

Số: /STP-NV1
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy
định một số nội dung, mức chi bảo
đảm hoạt động của Hội đồng nhân
dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc
hội tỉnh Gia Lai

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Ban Pháp chế HĐND tỉnh

Thực hiện đề nghị của Ban Pháp chế HĐND tỉnh tại Công văn số 53/HĐND-BPC ngày 17/4/2026 và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 4823/UBND-NC ngày 20/4/2026 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai. Qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến góp ý như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị bỏ đường gạch ngang ở dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết để thực hiện đúng Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Tại phần căn cứ ban hành, đề bảo đảm kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, đề nghị:

- Chỉnh sửa cách trình bày “*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH1; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*” thành “*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*”

- Chỉnh sửa cách trình bày “*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;*” thành “*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*”

- Tại “*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*”, đề nghị bỏ ngày,

tháng, năm ban hành văn bản làm căn cứ để phù hợp với hướng dẫn tại khoản 1 mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Chỉnh sửa “*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*” thành “*Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;*”

- Tại nội dung “*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.*”, đề nghị bỏ từ “*tỉnh*” trong cụm từ “*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết*” để phù hợp với mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Đề nghị trình bày các văn bản làm căn cứ theo thứ tự về thẩm quyền ban hành từ cao xuống thấp, cụ thể theo thứ tự như sau: Luật của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng.

c) Khoản 2 Điều 2

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật, đề nghị Quý Ban bổ sung quy định chấm dứt hiệu lực của: (1) Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021-2026; (2) Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc ban hành quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (3) Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới) nhiệm kỳ 2021-2026; đồng thời trình bày lại khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc ban hành quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

b) Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định một số nội dung và mức chi

bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021-2026;

c) Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới) nhiệm kỳ 2021-2026;

d) Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai tiếp tục áp dụng thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.”

d) Tại khoản 3 Điều 2, đề nghị thay từ “*dẫn chiếu*” bằng từ “*viện dẫn*” để phù hợp với từ ngữ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Tại phần nơi nhận, đề nghị chỉnh sửa:

- “*Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp*;” thành “*Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp*;” để chính xác tên cơ quan nhận văn bản.

- “*Trung tâm CB-TH*” thành “*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên Công báo điện tử)*” để chính xác tên cơ quan nhận văn bản.

2. Đối với dự thảo Quy định

a) Đề nghị chỉnh sửa nội dung chú thích phía dưới tên gọi của Quy định thành “(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)” để thực hiện đúng Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Đề nghị viết kiểu chữ đậm đối với tên của Điều 1, Điều 2 để bảo đảm thực hiện đúng quy định tại khoản 2 tiểu mục III mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: “*Từ “Điều”, số thứ tự và tên của điều được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng, đậm, cách lề trái 1 cen-ti-mét (cm) đến 1,27 cen-ti-mét (cm). Số thứ tự của điều dùng số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.)*.”

c) Tại Điều 7, đề nghị chỉnh sửa cách viện dẫn “*Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*” thành “*Thông tư số 320/2016/TT-BTC quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*” để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: “*b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa*

đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.”

d) Tại Điều 11, đề nghị không viết kiểu chữ đậm đối với số thứ tự của các khoản; chỉnh sửa các gạch đầu dòng tại khoản 3, khoản 4 thành các chữ cái a, b để thực hiện đúng quy định tại khoản 2 tiểu mục III mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP:

“- Số thứ tự các khoản trong mỗi điều dùng số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng. Trường hợp khoản có tên, số thứ tự và tên của khoản được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng, trên một dòng riêng.

- Các điểm trong mỗi khoản dùng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau chữ cái có dấu đóng ngoặc đơn, được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng.”

đ) Đề nghị bỏ cụm từ **“HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI”** ở cuối dự thảo Quy định để bảo đảm theo Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, kính gửi Ban Pháp chế HĐND tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNV-CQTN&VTLT
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy
định một số nội dung, mức chi bảo
đảm hoạt động của HĐND

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Nội vụ nhận được Công văn số 53/HĐND-BPC ngày 17/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị tham gia góp ý vào dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Nội vụ thống nhất với dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Sở Nội vụ gửi Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CQTN&VTLT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Vũ

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-TCHCSN

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

V/v tham gia góp ý dự thảo
Nghị quyết quy định một số
nội dung, mức chi bảo đảm
hoạt động của Hội đồng nhân
dân các cấp và Đoàn ĐBQH
tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 19/4/2026, Sở Tài chính nhận được Công văn số 53/HĐND-BPC của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc tham gia góp ý vào dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai.

Về nội dung này, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý:

Căn cứ Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, theo đó quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

h) Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, theo đó quy định:

“Điều 9. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Việc quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các chế độ chi ngân sách tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan;
- b) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong từng thời kỳ;
- c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước;
- d) Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn.”

2. Ý kiến của Sở Tài chính:

Căn cứ các quy định về cơ sở pháp lý nêu trên, qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết) do Ban Pháp chế HĐND tỉnh và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh xây dựng, Sở Tài chính tham gia một số ý kiến như sau:

2.1 Cơ quan soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết trên cơ sở kế thừa các nội dung chi, mức chi được quy định tại Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021 - 2026¹ để so sánh và đề xuất các nội dung, mức chi tại dự thảo Nghị quyết.

Về nội dung này, để đảm bảo cơ sở xây dựng Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan; Sở Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi của cơ quan nhà nước cấp trên hiện hành; căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh hiện nay để thuyết minh cụ thể, đảm bảo nguyên tắc thực hiện theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ.

2.2. Theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 thì: “4. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp...”

¹ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Bình Định được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung chi, mức chi được quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/7/2013 của HĐND tỉnh Bình Định quy định chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2011 - 2016; Nghị quyết số 1206/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hướng dẫn số 2600/HD-VPQH ngày 19/10/2016 và Hướng dẫn số 1562/HD-VPQH ngày 17/7/2021 của Văn phòng Quốc hội về Hướng dẫn chế độ chi tiêu phục vụ các kỳ họp của Quốc hội khóa XIV, XV; Quyết định số 32/QĐVPQH ngày 19/01/2022 của Văn phòng Quốc hội về việc điều chỉnh một số định mức chi trong Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;...

Qua rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết, bên cạnh một số nội dung đề nghị bãi bỏ thì cơ quan soạn thảo cũng có đề xuất tăng và quy định mới một số nội dung chỉ cho cấp tỉnh và cấp xã; tuy nhiên cơ quan soạn thảo chưa báo cáo dự kiến kinh phí ngân sách tăng/giảm cho từng cấp. Do đó, về nội dung này, Sở Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung dự kiến kinh phí ngân sách để thực hiện dự thảo Nghị quyết theo từng cấp (tỉnh, xã) để có cơ sở rà soát khả năng cân đối ngân sách các cấp và bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

Sở Tài chính tham gia ý kiến như trên gửi Ban Pháp chế HĐND tỉnh để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thu Hương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NC

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

Về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tư pháp.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 53/HĐND-BPC ngày 17/4/2026 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc tham gia góp ý văn bản dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai (*sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết*). Về nội dung này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Đề nghị Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước để có ý kiến tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị quyết theo đề nghị của Ban Pháp chế HĐND tỉnh tại Văn bản nêu trên (*đính kèm*) theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 đã được sửa đổi bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; gửi ý kiến tham gia về Ban Pháp chế HĐND tỉnh **trước ngày 21/4/2026**.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C5.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Xuân Vĩnh

DỰ KIẾN KINH PHÍ TĂNG/GIẢM KHI ÁP DỤNG NGHỊ QUYẾT MỚI

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức cũ	Định mức mới	Mức tăng/giảm	Số lượng	Số người	Tổng tăng/giảm
A	KINH PHÍ HĐND CẤP TỈNH							-74,730,000
1	Các chế độ khoán của ĐB HĐND							358,000,000
	Hỗ trợ phí khai thác internet, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo AI phục vụ hoạt động HĐND (Nhiệm kỳ 2026-2030)	năm	1,200,000	3,000,000	1,800,000	1	85	153,000,000
	Trang phục của đại biểu HĐND	bộ	4,000,000	5,000,000	1,000,000	1	85	85,000,000
	Chi hỗ trợ may trang phục theo nhiệm kỳ cho CBCC, NLD VP (nhiệm kỳ mới)	bộ	2,500,000	5,000,000	2,500,000	1	48	120,000,000
2	Chi tổ chức các kỳ họp HĐND tỉnh (Trong năm: 6 Kỳ họp HĐND: 2 kỳ họp định kỳ (6 ngày) và 4 kỳ họp chuyên đề (4 ngày))				0	0	0	-21,000,000
	Chi họp báo tổ chức kỳ họp	buổi	100,000	0	-100,000	40	6	-24,000,000
	Chủ tọa kỳ họp	buổi	200,000	220,000	20,000	20	3	1,200,000
	Thư ký kỳ họp	buổi	150,000	170,000	20,000	20	3	1,200,000
	Đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031	buổi	120,000	130,000	10,000	20	79	15,800,000
	Đại biểu mời tham dự kỳ họp	buổi	100,000	110,000	10,000	20	150	30,000,000
	Công chức, người lao động Văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân	buổi	100,000	110,000	10,000	20	34	6,800,000
	Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Đài Truyền thanh trực tiếp đưa tin kỳ họp; Lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác.	buổi	75,000	80,000	5,000	20	80	8,000,000
	Riêng chi hỗ trợ Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai; đơn vị truyền hình trực tiếp và đưa tin các hoạt động của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định. Không quá 10.000.000 đồng/kỳ họp chuyên đề, 20.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ.		140,000,000	80,000,000	-60,000,000	1	1	-60,000,000
3	Hội nghị giao ban TT HĐND tỉnh với TT HĐND các xã (01HN), các phiên họp của HĐND tỉnh (5 phiên)				0	0	0	-189,450,000
	Chế độ chủ trì HN	buổi	150,000	0	-150,000	6	3	-2,700,000
	Chế độ ĐB và CBCC VP tham dự HN	buổi	100,000	0	-100,000	6	300	-180,000,000
	Chế độ của nhân viên phục vụ HN	buổi	75,000	0	-75,000	6	15	-6,750,000
4	Chế độ họp các cuộc họp của các Đảng ủy, Thường trực, Ban HĐND				0	0	0	-274,500,000
	Chế độ chủ trì	buổi	150,000		-150,000	150	1	-22,500,000
	Chế độ thành viên dự họp và CC tham gia họp	buổi	100,000		-100,000	150	15	-225,000,000
	Chế độ phục vụ họp	buổi	40,000		-40,000	150	2	-12,000,000
	Kết luận hoặc thông báo nội dung cuộc họp	văn bản	300,000		-300,000	50	1	-15,000,000
5	Chế độ soạn thảo văn bản				0	0	0	-43,360,000
	BC thẩm tra tờ trình NQ không quy phạm	văn bản	450,000	510,000	60,000	240	1	14,400,000
	Báo cáo thẩm tra các nội dung thỏa thuận	nội dung	450,000		-450,000	15	1	-6,750,000
	Nội dung chuẩn bị báo cáo, giải trình trả lời chất vấn tại kỳ họp	kỳ họp	450,000		-450,000	2	1	-900,000
	BC tổng hợp nội dung tham gia góp ý các DA luật, pháp lệnh, nghị quyết theo yêu cầu của cấp trên	văn bản	1,000,000		-1,000,000	30	1	-30,000,000
	XD BC kết quả hoạt động của TT HĐND trình kỳ họp	văn bản	500,000	570,000	70,000	2	1	140,000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức cũ	Định mức mới	Mức tăng/giảm	Số lượng	Số người	Tổng tăng/giảm
	XD BC kết quả hoạt động của các Ban HĐND trình kỳ họp	văn bản	450,000	510,000	60,000	6	1	360,000
	Xây dựng Nghị quyết không quy phạm	văn bản	650,000	1,300,000	650,000	75	1	48,750,000
	Chỉnh lý, hoàn thiện NQ không quy phạm	văn bản	180,000	200,000	20,000	200	1	4,000,000
	Báo cáo thẩm tra các NQ quy phạm	văn bản	750,000		-750,000			-75,000,000
	Khai mạc, bế mạc kỳ họp	văn bản	650,000	500,000	-150,000	12	1	-1,800,000
	Nội dung chương trình, kịch bản điều hành	văn bản	390,000	500,000	110,000	12	1	1,320,000
	Báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp	văn bản	1,950,000	2,230,000	280,000	2	1	560,000
	Biên bản kỳ họp HĐND	văn bản	1,300,000	1,480,000	180,000	6	1	1,080,000
	Tờ trình về kết quả phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp	văn bản	400,000		-400,000			-2,000,000
	Báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri gửi đến trước kỳ họp	văn bản	1,000,000	570,000	-430,000	6	1	-2,580,000
	BC Kết quả GS việc trả lời, việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến trước và sau kỳ họp	văn bản	1,500,000		-1,500,000			-3,000,000
	Báo cáo của HĐND, Thường trực HĐND, Đảng ủy HĐND báo cáo cơ quan cấp trên	văn bản	500,000	570,000	70,000	50	1	3,500,000
	Bài trả lời phỏng vấn, bài tham luận	văn bản	500,000	500,000	0	50	1	0
	Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ, công chức của Đảng ủy Hội đồng nhân dân (gồm Tờ trình, Biên bản, Kết luận, Phiếu bầu...)			570,000	570,000	8	1	4,560,000
6	Hoạt động tiếp công dân của HĐND tỉnh				0	0	0	-12,000,000
	Đại biểu, đại diện lãnh đạo các cơ quan	buổi	100,000	100,000	0	12	40	0
	Người phục vụ	buổi	50,000	50,000	0	12	20	0
	Chi xây dựng thông báo kết quả tiếp công dân	văn bản	400,000		-400,000			-4,800,000
	XD BC đề xuất giải quyết vụ việc KNTC, trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền	văn bản	600,000		-600,000			-7,200,000
7	Hoạt động TXCT của HĐND tỉnh:				0	0	0	-107,000,000
	Khoán TXCT cho đại biểu	năm			5,000,000	1	85	425,000,000
	Chi chế độ đại biểu TXCT	điểm	300,000		-300,000	16	85	-408,000,000
	Chế độ tổng hợp báo cáo kiến nghị trước và sau kỳ họp HĐND	văn bản	200,000		-200,000	4	85	-68,000,000
	Chi chế độ các thành phần tham dự theo giấy mời của TT HĐND tỉnh (10), CC, NLĐ, phóng viên báo, đài PTTH phục vụ TXCT trước và sau 2 Kỳ họp HĐND(25)	điểm	100,000		-100,000	16	35	-56,000,000
8	Chế độ bồi dưỡng đoàn giám sát, khảo sát của TT HĐND và 4 Ban HĐND Giám sát: 01 giám sát HĐND, 02 giám sát Thường trực HĐND, 9 giám sát Ban HĐND Khảo sát: 01 khảo sát HĐND, 03 Thường trực HĐND, 09 khảo sát của 4 Ban HĐND				0	0	0	-69,300,000
	Trưởng đoàn	buổi	150,000	170,000	20,000	90	1	1,800,000
	Phó trưởng đoàn	buổi	120,000	130,000	10,000	90	1	900,000
	Thành viên đoàn	buổi	100,000	110,000	10,000	90	10	9,000,000
	CBCC, phóng viên	buổi	80,000	90,000	10,000	90	4	3,600,000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức cũ	Định mức mới	Mức tăng/giảm	Số lượng	Số người	Tổng tăng/giảm
	Lái xe	buổi	60,000	90,000	30,000	90	2	5,400,000
	Chế độ hợp đoàn giám sát	buổi	100,000		-100,000			-90,000,000
	Phụ cấp lưu trú	buổi	300,000	300,000	0	32	18	0
	Khoán phòng nghỉ đi công tác	buổi	300,000	300,000	0	32	18	0
9	Chế độ văn bản giám sát, khảo sát				0	0	0	11,880,000
	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát của HĐND	văn bản	650,000	1,800,000	1,150,000	1	1	1,150,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn giám sát của HĐND	văn bản	1,500,000	2,000,000	500,000	1	1	500,000
	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát của TT HĐND	văn bản	650,000	1,440,000	790,000	2	1	1,580,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn giám sát của TT HĐND	văn bản	1,500,000	1,600,000	100,000	2	1	200,000
	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát của Ban HĐND	văn bản	650,000	1,260,000	610,000	9	1	5,490,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn giám sát của Ban HĐND	văn bản	1,500,000	1,400,000	-100,000	9	1	-900,000
	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn khảo sát của HĐND	văn bản	520,000	1,080,000	560,000	1	1	560,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn khảo sát của HĐND	văn bản	1,200,000	1,200,000	0	1	1	0
	Chi xây dựng các văn bản cho hoạt động khảo sát của TT HĐND	văn bản	520,000	1,080,000	560,000	3	1	1,680,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn khảo sát của TT HĐND	văn bản	1,200,000	1,200,000	0	3	1	0
	Chi xây dựng các văn bản cho hoạt động khảo sát của ban HĐND	văn bản	520,000	900,000	380,000	9	1	3,420,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn khảo sát của Ban HĐND	văn bản	1,200,000	1,000,000	-200,000	9	1	-1,800,000
10	Chi khác							272,000,000
	Tặng phẩm tập thể	đoàn		5,000,000	5,000,000	12	1	60,000,000
	Tặng phẩm cá nhân	người		1,000,000	1,000,000	12	1	12,000,000
	Hợp tác truyền thông	năm		200,000,000	200,000,000	1	1	200,000,000
B	KINH PHÍ HĐND CẤP XÃ							122,368,000
1	Các chế độ khoán của DB HĐND							56,750,000
	Hỗ trợ phí khai thác internet, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo AI phục vụ hoạt động HĐND (Nhiệm kỳ 2026-2030)	năm	770,000	1,500,000	730,000	1	25	18,250,000
	Khoán khám sức khỏe	năm	1,900,000	2,000,000	100,000	1	10	1,000,000
	Trang phục của đại biểu HĐND	bộ	4,000,000	5,000,000	1,000,000	1	25	25,000,000
	Chi hỗ trợ may trang phục theo nhiệm kỳ cho CBCC, NLD VP (nhiệm kỳ mới)	bộ	2,500,000	5,000,000	2,500,000	1	5	12,500,000
2	Chi tổ chức các kỳ họp HĐND tính (Trong năm 06 Kỳ họp HĐND: 2 kỳ họp định kỳ (2 ngày) và 4 kỳ họp chuyên đề (2 ngày))				0	0	0	25,200,000
	Chủ tọa kỳ họp	buổi	130,000	220,000	140,000	8	2	2,240,000
	Thư ký kỳ họp	buổi	100,000	170,000	110,000	8	2	1,760,000
	Đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031	buổi	80,000	130,000	90,000	8	23	16,560,000
	Đại biểu mời tham dự kỳ họp	buổi	60,000	110,000	60,000	8	5	2,400,000
	Công chức, người lao động Văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân	buổi	60,000	110,000	60,000	8	3	1,440,000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức cũ	Định mức mới	Mức tăng/giảm	Số lượng	Số người	Tổng tăng/giảm
	Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Đài Truyền thanh trực tiếp đưa tin kỳ họp; Lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác.	buổi	50,000	80,000	50,000	8	2	800,000
3	Chế độ họp các cuộc họp Thường trực, Ban HĐND				0	0	0	-25,500,000
	Chế độ chủ trì	buổi	100,000		-100,000	30	1	-3,000,000
	Chế độ thành viên dự họp và CC tham gia họp	buổi	60,000		-60,000	30	10	-18,000,000
	Chế độ phục vụ họp	buổi	25,000		-25,000	30	2	-1,500,000
	Kết luận hoặc thông báo nội dung cuộc họp	văn bản	100,000		-100,000	30	1	-3,000,000
4	Chế độ soạn thảo văn bản				0	0	0	8,400,000
	Chi xây dựng chương trình nội dung kỳ họp và chương trình điều hành kỳ họp	văn bản	100,000	200,000	100,000	4		400,000
	Chi xây dựng bài phát biểu (Diễn văn khai mạc và bế mạc kỳ họp)	nội dung	170,000	200,000	30,000	4		120,000
	Chi xây dựng biên bản và đề cương báo cáo kết quả kỳ họp	kỳ họp	330,000	550,000	220,000	4		880,000
	Chi xây dựng Tờ trình về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp	văn bản	100,000		-100,000			0
	Chi bồi dưỡng xây dựng các Nghị quyết trình tại kỳ họp	văn bản	170,000	240,000	70,000	20		1,400,000
	Soạn thảo báo cáo thẩm tra	văn bản	120,000	400,000	280,000	20		5,600,000
5	Hoạt động tiếp công dân của HĐND tỉnh				0	0	0	-1,500,000
	Chi xây dựng thông báo kết quả tiếp công dân	văn bản	100,000		-100,000	6	1	-600,000
	XD BC đề xuất giải quyết vụ việc KNTC, trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền	văn bản	150,000		-150,000	6	1	-900,000
6	Hoạt động TXCT của HĐND tỉnh:				0	0	0	38,380,000
	Chi khoán tiếp xúc cử tri cho ĐB	năm		2,500,000	2,500,000	1	25	62,500,000
	Chi chế độ đại biểu TXCT	điểm	190,000		-190,000	4	25	-19,000,000
	Chế độ tổng hợp báo cáo kiến nghị trước và sau kỳ họp HĐND	văn bản	200,000		-200,000	4	1	-800,000
	Bồi dưỡng thành phần tham dự theo giấy mời	lần	60,000		-60,000	4	6	-1,440,000
	Bồi dưỡng CBCC Văn phòng tham dự phục vụ, báo đài truyền thanh, truyền hình	lần	60,000		-60,000	4	6	-1,440,000
	Hỗ trợ Hội nghị TXCT (trang trí, nước uống, bồi dưỡng chủ trì, cán bộ trực tiếp phục vụ, ...)	lần	960,000	1,000,000	40,000	4	6	960,000
	Bồi dưỡng chủ trì hội nghị TXCT	lần	100,000		-100,000	4	6	-2,400,000
7	Chế độ đoàn giám sát (01 HĐND, 01 TT HĐND, 02 Ban HĐND) Chế độ đoàn khảo sát (01 TT HĐND, 02 Ban HĐND)				0	0	0	320,000
	Trưởng đoàn	buổi	100,000	110,000	10,000	8	1	80,000
	Phó trưởng đoàn	buổi	80,000	90,000	10,000	8	1	80,000
	Thành viên đoàn	buổi	60,000	60,000	0	8	6	0
	CBCC, phóng viên	buổi	50,000	50,000	0	8	3	0
	Lái xe	buổi	40,000	50,000	10,000	8	2	160,000
8	Chế độ văn bản giám sát, khảo sát				0	0	0	5,318,000
	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát của HĐND	văn bản	170,000	1,000,000	830,000	1	1	830,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn giám sát của HĐND	văn bản	380,000	800,000	420,000	1	1	420,000
	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát của TT HĐND	văn bản	170,000	800,000	630,000	1	1	630,000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức cũ	Định mức mới	Mức tăng/giảm	Số lượng	Số người	Tổng tăng/giảm
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn giám sát của TT HĐND	văn bản	380,000	640,000	260,000	1	1	260,000
	Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát của Ban HĐND	văn bản	153,000	700,000	547,000	2	1	1,094,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn giám sát của Ban HĐND	văn bản	342,000	560,000	218,000	2	1	436,000
	Chi xây dựng các văn bản cho hoạt động khảo sát của TT HĐND	văn bản	136,000	600,000	464,000	1	1	464,000
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn khảo sát của TT HĐND	văn bản	304,000	480,000	176,000	1	1	176,000
	Chi xây dựng các văn bản cho hoạt động khảo sát của Ban HĐND	văn bản	122,400	500,000	377,600	2	1	755,200
	Chi xây dựng báo cáo của đoàn khảo sát của Ban HĐND	văn bản	273,600	400,000	126,400	2	1	252,800
9	Chi khác							15,000,000
	Tặng phẩm tập thể	đoàn		5,000,000	5,000,000	3	1	15,000,000

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp và Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai

* Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý I/2026 so với năm 2022 làm cơ sở để tăng mức chi, được tính như sau:
CPI quý I/2026 so với năm 2022 (năm xây dựng Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định)
CPI= CPI bình quân Quý I năm 2026 so với năm 2025 x CPI bình quân năm 2025 so với năm 2024 x CPI bình quân năm 2024 so với năm 2023 x CPI bình quân năm 2023 so với năm 2022 = 103,51% x 103,31% x 103,63% x 103,25% = 114,42%
Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân được tham khảo tại trang Cơ quan Thống kê quốc gia Cục Thống kê - Bộ Tài chính
Chỉ số giá tiêu dùng CPI quý I/2026 tăng so với năm 2022 là **14,42%**
Cơ sở mức tăng của Nghị quyết là **14,42%** so với mức chi của Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Định

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã		
Điều 4. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân, họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp, cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân						Điều 3. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân					Điều chỉnh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã		
1	Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân						Điều 3. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân					
a	Tiền ăn	đồng/ngày	300,000	240,000	190,000	1	Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên) tham dự kỳ họp được bố trí ăn, nghỉ tại nhà khách, khách sạn. Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ được thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành				Gộp nội dung ăn, nghỉ và thực hiện theo quy định hiện hành	
-	Chi tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên, các huyện miền núi 10 km trở lên) tham dự kỳ họp được bố trí ăn tại nhà khách, khách sạn. Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu tự túc ăn thì được nhận bằng tiền.											
b	Tiền giải khát					2	Tiền giải khát	đồng/người/ buổi	50,000	50,000	Điều chỉnh bằng với định mức hiện tại	
-	Đại biểu HĐND và đại biểu mời	đồng/buổi	40,000	32,000	26,000							
-	Các thành phần tham gia phục vụ	đồng/buổi	30,000	24,000	20,000							
c	Nếu mời cơm thân: Thực hiện như chế độ tiếp khách theo quy định hiện hành					3	Nếu mời cơm thân: Thực hiện như chế độ tiếp khách theo quy định hiện hành					Giữ nguyên
-	Trường hợp tiền ăn phát sinh theo thực tế giao Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.					-	Trường hợp tiền ăn phát sinh theo thực tế giao Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.					
d	Về phòng ở											Đã gộp ở mục a
-	Cấp tỉnh: Đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên) được mời dự kỳ họp HĐND tỉnh, được bố trí chỗ ở. Mức chi thuê phòng ở thực hiện theo chế độ nhà nước quy định.											

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
-	Cấp huyện: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên, các huyện miền núi 10 km trở lên) nếu có nhu cầu chỗ ở thì được bố trí. Mức tiền thuê phòng ở (nếu có) thực hiện theo chế độ quy định.										
đ	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND					4	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND				
-	Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi	200,000	160,000	130,000	a	Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi/ người	220,000	140,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng
-	Thư ký kỳ họp	đồng/buổi	150,000	120,000	100,000	b	Thư ký kỳ họp	đồng/buổi/ người	170,000	110,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/buổi	120,000	100,000	80,000	c	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/buổi/ người	130,000	90,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng
-	Đại biểu mời tham dự kỳ họp	đồng/buổi	100,000	80,000	60,000	d	Đại biểu mời tham dự kỳ họp	đồng/buổi/ người	110,000	60,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng
	Đại biểu nguyên là lãnh đạo tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định					e	Đại biểu nguyên là lãnh đạo tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định				Điều chỉnh "do Thường trực HĐND các cấp quyết định"
-	Cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân; Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Đài Truyền thanh trực tiếp đưa tin kỳ họp	đồng/buổi	100,000	80,000	60,000	f	Công chức, người lao động văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/buổi/ người	110,000	60,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng
-	Nhân viên Văn phòng; Lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác.	đồng/buổi	75,000	60,000	50,000	g	Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai trực tiếp đưa tin kỳ họp; Lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác	đồng/buổi/ người	80,000	50,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng
-	Chi hỗ trợ Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định tổ chức truyền hình trực tiếp và đưa tin các hoạt động của HĐND tỉnh tại kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.					h	Riêng chi hỗ trợ Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai; đơn vị truyền hình trực tiếp và đưa tin các hoạt động của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định. Không quá 10.000.000 đồng/kỳ họp chuyên đề, 20.000.000 đồng/kỳ họp thường lệ.				Quy định cụ thể mức chi tối đa cho các cấp
-	Xây dựng nội dung, chương trình kỳ họp; chương trình điều hành kỳ họp Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	390,000	200,000	100,000						Điều chỉnh qua Điều 4. Chi xây dựng Văn bản và tăng theo chỉ số giá
-	Diễn văn khai mạc; bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	650,000	330,000	170,000						Điều chỉnh qua Điều 4. Chi xây dựng Văn bản và tăng theo chỉ số giá
-	Tờ trình về kết quả phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	400,000	200,000	100,000						Bỏ vì không có thực hiện
-	Chi Biên bản kỳ họp; đề cương báo cáo kết quả kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	1,300,000	650,000	330,000						Điều chỉnh qua Điều 4. Chi xây dựng Văn bản và tăng theo chỉ số giá
-	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	1,950,000	980,000							Điều chỉnh qua Điều 4. Chi xây dựng Văn bản và tăng theo chỉ số giá

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
2	Chế độ bồi dưỡng họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân (họp báo, họp rút kinh nghiệm kỳ họp, ...)										Bỏ chế độ bồi dưỡng các cuộc họp và thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai. Chi bồi dưỡng họp không có quy định theo Nghị quyết.
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	150,000	120,000	100,000						
-	Thành viên dự họp	đồng/buổi	100,000	80,000	60,000						
-	Cán bộ, công chức Văn phòng phân công giúp việc	đồng/buổi	100,000	80,000	60,000						
-	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	40,000	30,000	25,000						
-	Kết luận hoặc thông báo nội dung kết quả cuộc họp	đồng/văn bản	300,000	200,000	100,000						
-	Đại biểu ở xa được bố trí ăn, nghỉ theo tiêu chuẩn như kỳ họp Hội đồng nhân dân.										Giữ nguyên và chuyển xuống khoản 8 Điều 8 Dự thảo
3	Các khoản chi phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân										
-	Bài viết hoặc nội dung trả lời phỏng vấn của báo chí; bài phát biểu, báo cáo tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại các Hội nghị	đồng/văn bản	500,000	300,000	150,000						Giữ nguyên điều chỉnh qua khoản 7 Điều 4 Dự thảo Mức chi cấp xã bằng trung bình cấp huyện, xã (cũ)
4	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung chi, mức chi của Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng cai tổ chức.					4	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung chi, mức chi của Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng cai tổ chức.				Giữ nguyên
Điều 5. Chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân						Điều 4. Chi xây dựng văn bản					Đổi tên
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
1	Chi xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (đối với Nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật)					1	Chi xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (đối với Nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật)				Giữ nguyên
a	Chi xây dựng tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết	đồng/văn bản	600,000	300,000	150,000	a	Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết (tờ trình và dự thảo Nghị quyết) không bao gồm nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/bộ văn bản	1,300,000	540,000	Cộng gộp Khoản 3 + điểm c Khoản 1. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
b	Chi xây dựng nghị quyết về công tác nhân sự	đồng/ng nghị quyết	250,000	130,000	70,000	b	Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết về công tác nhân sự (tờ trình và dự thảo Nghị quyết) không bao gồm nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/bộ văn bản	570,000	240,000	Cộng gộp điểm b + c. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
c	Chi xây dựng các nghị quyết còn lại (trừ Nghị quyết được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này)	đồng/ng nghị quyết	650,000	330,000	170,000						

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
						c	Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết	đồng/văn bản	510,000	400,000	Chuyển Mục b Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 40 sang điểm c Khoản 1 Điều 4 Dự thảo. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
						d	Chỉnh sửa, hoàn thiện Nghị quyết ban hành (không bao gồm Nghị quyết về nhân sự do Ủy ban nhân dân tỉnh trình)	đồng/ng nghị quyết	200,000	80,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng. Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 40 thành điểm d
						e	Chi xây dựng, chỉnh lý hoàn thiện Nghị quyết về công tác nhân sự (dự thảo Nghị quyết và chỉnh lý) do Ủy ban nhân dân tỉnh trình	đồng/ nghị quyết	490,000	190,000	Cộng (điểm b Khoản 1 + Khoản 2) Nghị quyết 40. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
d	Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm b khoản 1 Điều này					f	Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này				Giữ nguyên
2	Chi chỉnh lý kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân thông qua	đồng/ng nghị quyết	180,000	90,000	50,000						Chuyển lên thành điểm d Khoản 2 Điều 4 Dự thảo
						2	Chi soạn thảo báo cáo, văn bản phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân				
						a	- Xây dựng nội dung, chương trình kỹ họp - Chương trình điều hành kỹ họp Hội đồng nhân dân - Kế hoạch tổ chức Kỳ họp - Diễn văn khai mạc kỹ họp - Diễn văn bế mạc kỹ họp	đồng/văn bản	500,000	200,000	Điều chỉnh từ Điều 4 Nghị quyết 40 và tăng theo chỉ số giá tiêu dùng
						b	Biên bản kỳ họp, Thông báo kết quả kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/bộ văn bản	1,480,000	550,000	Điều chỉnh từ Điều 4 Nghị quyết 40. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
						c	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	2,230,000	1,120,000	Điều chỉnh từ Điều 4 Nghị quyết 40 và tăng theo chỉ số giá tiêu dùng Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
						d	Báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân trình Kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	570,000	250,000	Điều chỉnh từ Điều 4 Nghị quyết 40 và tăng theo chỉ số giá tiêu dùng Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
						e	Báo cáo của các Ban Hội đồng nhân dân trình Kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	510,000	220,000	Điều chỉnh từ Điều 4 Nghị quyết 40. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
3	Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết; báo cáo của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy; báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương	đồng/văn bản	500,000	300,000	150,000	3	Báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương. Báo cáo của Đảng ủy Hội đồng nhân dân: báo cáo Quý, 6 tháng, tổng kết năm, tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo phục vụ Đoàn giám sát của Trung ương.	đồng/văn bản	570,000		Tờ trình ban hành Nghị quyết chuyển lên Điều 4. Báo cáo tăng theo chỉ số giá. Bổ sung theo Báo cáo Đảng ủy HĐND cho phù hợp. Bỏ nội dung văn bản Đảng đoàn
						4	Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ, công chức của Đảng ủy Hội đồng nhân dân (gồm Tờ trình, Biên bản, Kết luận, Phiếu bầu...).	Đồng/bộ văn bản	570,000		Bổ sung mới tham khảo tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 40 và tăng theo chỉ số giá
4	Chi báo cáo công tác sơ kết; tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	1,000,000	500,000	250,000	5	Chi báo cáo công tác tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	1,140,000	570,000	Bỏ nội dung Đảng đoàn. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
5	Chi xây dựng báo cáo, văn bản tương ứng của các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân bằng 90% mức chi của Thường trực Hội đồng nhân dân.					6	Chi xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	1,000,000	500,000	Quy định cụ thể mức chi báo cáo Ban HĐND và tăng mức chi theo chỉ số giá. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chỉ số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chỉ số giá.
						7	Bài viết hoặc nội dung trả lời phỏng vấn của báo chí; bài phát biểu tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại các Hội nghị do Trung ương tổ chức.	đồng/văn bản	500,000	200,000	Giữ nguyên mức chi.

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ				Thuyết minh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh		Xã
Điều 6. Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; chi xây dựng báo cáo tham gia ý kiến đối với các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.											
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp								
			Tỉnh	Huyện	Xã						
1	Chi cho công xây dựng văn bản										
a	Báo cáo thẩm tra: các dự thảo Nghị quyết; các nội dung thỏa thuận giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, các nội dung giải trình tại phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	450,000	230,000	120,000						Chuyển lên Điều 4 Dự thảo.
b	Báo cáo tổng hợp nội dung tham gia góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết ... theo yêu cầu của cấp trên	đồng/văn bản	1,000,000	500,000	250,000						Bỏ vì Văn bản quy phạm pháp luật không thanh toán do đã hưởng theo chế độ Nghị quyết 197
2	Chế độ bồi dưỡng họp										Bỏ vì theo Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai về chế độ chi hội nghị, cuộc họp không có chi bồi dưỡng thành viên dự họp
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	150,000	120,000	100,000						
-	Thành viên dự họp	đồng/buổi	100,000	80,000	60,000						
-	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	40,000	30,000	25,000						
Điều 7. Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn						Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát				Bỏ từ "kiểm tra" "hoạt động chất vấn "cho phù hợp với hoạt động của HĐND và nội dung chi tại Điều 5 Dự thảo	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
1	Chi hoạt động kiểm tra, giám sát					1	Chi hoạt động kiểm tra, giám sát				
a	Chi xây dựng văn bản kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân					a	Chi xây dựng văn bản kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân			Tách nội dung giám sát của Thường trực HĐND qua Khoản 2 Điều 5 Dự thảo	
-	Chi thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát (quyết định, kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ văn bản	650,000	330,000	170,000	-	Chi thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát (quyết định, kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ văn bản	1,800,000	1,000,000	Tăng mức chi phù hợp với các tỉnh. Hiện tại mức chi theo Nghị quyết 40 thấp so với các tỉnh
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	1,500,000	750,000	380,000	-	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	2,000,000	800,000	
						2	Chi xây dựng văn bản giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân bằng 80% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.				
b	Chi xây dựng văn bản giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bằng 90% mức chi xây dựng văn bản giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.					3	Chi xây dựng văn bản giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân bằng 70% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.			Thay đổi % mức chi giám sát các Ban HĐND vì đã tăng mức chi giám sát HĐND. Văn bản giám sát của Tổ Đại biểu HĐND bỏ vì đã thực hiện khoản tại Điều 7 Dự thảo	

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã		
c	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân mức chi bằng 80% tại điểm a khoản 1 Điều này; Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân mức chi cho xây dựng văn bản					4	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân bằng 60% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.				Tách nội dung khảo sát tương ứng tại Khoản 4,5 Điều 5 Dự thảo vì đã tăng tiền văn bản HĐND.	
						5	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân bằng 50% mức chi tương ứng tại khoản 1 Điều này.					
d	Chế độ bồi dưỡng Đoàn kiểm tra, giám sát, khảo sát					6	Chế độ bồi dưỡng Đoàn kiểm tra, giám sát, khảo sát					
-	Trưởng đoàn	đồng/buổi	150,000	120,000	100,000	a	Trưởng đoàn	đồng/buổi/ người	170,000	110,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng so với Nghị quyết 40	
-	Phó Trưởng đoàn	đồng/buổi	120,000	100,000	80,000	b	Phó Trưởng đoàn	đồng/buổi/ người	130,000	90,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng so với Nghị quyết 41	
-	Thành viên	đồng/buổi	100,000	80,000	60,000	c	Thành viên	đồng/buổi/ người	110,000	60,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng so với Nghị quyết 42	
-	Cán bộ, công chức Văn phòng tham gia phục vụ đoàn giám sát, Phóng viên Báo Bình Định, Đài Phát Thanh - Truyền hình	đồng/buổi	80,000	60,000	50,000	d	Cán bộ, công chức Văn phòng Phóng viên, nhân viên lái xe, phục vụ	đồng/buổi/ người	90,000	50,000	Tăng theo chỉ số giá tiêu dùng so với Nghị quyết 43	
-	Nhân viên lái xe, phục vụ	đồng/buổi	60,000	50,000	40,000						Chuyển chế độ nhân viên lái xe, phục vụ chung với cán bộ, công chức.	
đ	Trong trường hợp thành viên tham gia kiểm tra, giám sát, khảo sát khi đi công tác mà địa điểm làm việc cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên (các huyện miền núi từ 10 km trở lên) đã được bố trí										Chuyển xuống khoản 8 Điều 8 Dự thảo và thực hiện theo công tác phí.	
Điều 8. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri (TXCT)						Điều 6. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri (TXCT)						
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã		
1	Chi hỗ trợ Hội nghị tiếp xúc cử tri (dễ trang trí, nước uống, bồi dưỡng Chủ trì, cán bộ trực tiếp phục vụ hội nghị tiếp xúc cử tri ...)	đồng/điểm	1,500,000	1,200,000	960,000	1	Chi khoản hỗ trợ Hội nghị tiếp xúc cử tri (dễ trang trí, nước uống và các khoản hỗ trợ khác phục vụ tiếp xúc cử tri)	đồng/điểm/là n tiếp xúc cử tri	1,500,000	960,000	Giữ nguyên, điều chỉnh thêm chữ "khoản"	
2	Chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri:					2	Chi khoản hoạt động tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân (chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri không bao gồm công tác phí)	đồng/năm /đại biểu	5,000,000	2,500,000	Bổ sung mới cho phù hợp thanh quyết toán.	
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/điểm	300,000	240,000	190,000						Bỏ vì đã thực hiện khoản theo Khoản 2 Điều 6	
b	Các thành phần tham dự theo giấy mời của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/điểm	100,000	80,000	60,000						Bỏ vì đã thực hiện khoản theo Khoản 1 Điều 6	
c	Cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng tham gia phục vụ, phóng viên báo, đài Phát thanh - Truyền hình	đồng/điểm	100,000	80,000	60,000						Bỏ vì đã thực hiện khoản theo Khoản 1 Điều 6	
d	Chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri: 100.000 đồng/người/điểm										Bỏ vì đã thực hiện khoản theo Khoản 1 Điều 6	
3	Kinh phí hỗ trợ cho cấp xã để tổ chức điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố chi và quyết toán theo quy định hiện hành.					3	Kinh phí hỗ trợ cho cấp xã để tổ chức điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố chi và quyết toán theo quy định hiện hành.				Giữ nguyên	

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
4	Kinh phí hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã do ngân sách địa phương bố trí theo quy định.					4	Kinh phí hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã do ngân sách địa phương bố trí theo quy định.				Giữ nguyên
a	Đối với chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chi từ nguồn kinh phí tại điểm 1 Điều này. Đối với chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thì chi từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp mình.										
b	Chi bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân và các thành phần tham dự tiếp xúc cử tri cấp nào mời thì chi từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp đó.										
5	Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân viết báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi về Tổ trưởng để tổng hợp	đồng/báo cáo	200,000	160,000							Bỏ vì đã khoán tring kinh phí hỗ trợ tổ đại biểu Điều 7 Dự thảo
6	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1,000,000	500,000	250,000						Tăng mức chi. Chuyển lên Điều 4. Cấp tỉnh: mức chi NQ 40 nhân chi số giá tiêu dùng thành Điểm a Dự thảo. Cấp xã: lấy trung bình cộng của cấp huyện và cấp xã, nhân chi số giá.
Điều 9. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức											Bỏ nội dung Điều 9 Nghị quyết và thực hiện theo quy định hiện hành.
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp								
			Tỉnh	Huyện	Xã						
1	Chi tiếp công dân: Thực hiện các mức chi theo quy định hiện hành.										
2	Chi xây dựng Thông báo kết luận tiếp công dân	đồng/báo cáo	400,000	200,000	100,000						
3	Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền (theo chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân)	đồng/báo cáo	600,000	300,000	150,000						
Điều 10: Chế độ hỗ trợ tổ đại biểu						Điều 7: Chế độ hỗ trợ tổ đại biểu					
Hàng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch chi cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để chi kinh phí cho hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.						Hàng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch chi cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để chi kinh phí cho hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.					Giữ nguyên
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
1	Kinh phí hoạt động của tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (cấp theo số lượng đại biểu mỗi tổ)	đồng/đại biểu/năm	5,000,000	2,500,000	Không có tổ đại biểu HĐND	1	Kinh phí hoạt động của tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (cấp theo số lượng đại biểu mỗi tổ)	đồng/đại biểu/năm	5,000,000	2,500,000	Giữ nguyên

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
2	+ Đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung chi bao gồm: Chi họp Tổ đại biểu; xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri; bố trí ăn, nghỉ cho đại biểu về tiếp xúc cử tri (Mức chi tiền ăn bằng mức chi tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh)						Nội dung chi bao gồm: phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ cho đại biểu về tiếp xúc cử tri; xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của tổ và phục vụ các hoạt động giám sát, khảo sát và hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của tổ đại biểu.				Giữ nguyên và bổ sung nội dung chi
	+ Đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện do ngân sách huyện đảm bảo.										Giữ nguyên
3	Chế độ bồi dưỡng họp tổ đại biểu Hội đồng nhân dân										Đã khoán trong kinh phí hoạt động tổ, Tổ đại biểu HĐND cân đối chi.
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	150,000	120,000	Không có tổ đại biểu						
b	Các thành viên dự họp	đồng/buổi	100,000	80,000							
c	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	40,000	30,000							
d	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các báo cáo khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	200,000	150,000		2	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các báo cáo khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	220,000	180,000	
Nguồn kinh phí : Kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố thực hiện.						Nguồn kinh phí: Kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách cấp xã của tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do ngân sách xã đảm bảo.					Giữ nguyên
Điều 11. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp.						Điều 8. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp.					
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
1	Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước										Thực hiện theo quy định hiện hành nên không quy định trong Dự thảo.
2	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ bảo										Thực hiện theo quy định hiện hành nên không quy định trong Dự thảo.
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Hệ số 0,14 mức lương cơ sở/ngày; tính cho 45 ngày làm việc/năm.										Thực hiện theo quy định hiện hành nên không quy định trong Dự thảo.
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Hệ số 0,12 mức lương cơ sở/ngày; tính cho 30 ngày làm việc/năm										Thực hiện theo quy định hiện hành nên không quy định trong Dự thảo.
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Hệ số 0,10 mức lương cơ sở/ngày; tính cho 20 ngày làm việc/năm.										Thực hiện theo quy định hiện hành nên không quy định trong Dự thảo.
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cùng cấp.										Thực hiện theo quy định hiện hành nên không quy định trong Dự thảo.
4	Chế độ thông tin, báo chí					1	Chế độ thông tin, báo chí				
a	Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được cấp 01 tờ báo Người đại biểu Nhân dân và 01 tờ báo Bình Định theo số ra định kỳ					a	Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, mỗi Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã được cấp 01 tờ báo Người đại biểu Nhân dân định kỳ do Ngân				Giảm 1 tờ báo Bình Định và tăng tiền khoán kinh phí khai thác internet
b	Hỗ trợ chi phí khai thác internet phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	1,200,000	960,000	770,000	b	Khoản chi phí khai thác internet, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	3,000,000	1,500,000	Tăng mức khoán hỗ trợ đại biểu thêm nhiệm vụ "ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo"

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã		
5	Chi hỗ trợ may trang phục					2	Chi khoán hỗ trợ may trang phục					
a	Trong nhiệm kỳ: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được cấp tiền may 01 bộ trang phục.	đồng/bộ	4,000,000	2,500,000	2,000,000	a	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được khoán tiền may 02 bộ trang phục/nhiệm kỳ/người. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; công chức, người lao động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp việc trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân tùy theo điều kiện ngân sách địa phương được khoán tiền may trang phục không quá 02 bộ/nhiệm kỳ/người.	đồng/bộ/người	5,000,000	5,000,000	Tăng mức chi trang phục cho đại biểu HĐND và công chức , người lao động phục vụ 5.000.000 đồng/bộ. Bổ sung quy định tùy ngân sách cấp xã quyết định số bộ trang phục.	
b	Trong nhiệm kỳ: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cấp tiền mua 02 cặp đựng tài liệu	đồng/cái	1,000,000	800,000	640,000	b	Trong nhiệm kỳ: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được khoán tiền mua 02 cặp đựng tài liệu.	đồng/cái	1,000,000	800,000	Giữ nguyên cấp tỉnh, tăng mức chi cấp xã bằng mức chi cấp huyện cũ.	
c	Trong nhiệm kỳ: Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Cán bộ, công chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, giúp việc trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 01 bộ trang phục	đồng/bộ	2,500,000	2,000,000							Tăng mức chi trang phục cho đại biểu HĐND và công chức , người lao động phục vụ 5.000.000 đồng/bộ. Bổ sung quy định tùy ngân sách cấp xã quyết định số bộ trang phục.	
6	Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, hàng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân (Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ theo chức danh, chức vụ theo quy định thì không hưởng chế độ chi theo Nghị quyết này). Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.	đồng/đại biểu/ năm	3,000,000	2,400,000	1,900,000	3	Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, hàng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân (Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ theo chức danh, chức vụ theo quy định thì không hưởng chế độ chi theo Nghị quyết này). Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.	đồng/đại biểu/ năm	3,000,000	2,000,000	Giữ nguyên. Cấp xã mới bằng trung bình cấp huyện và cấp xã cũ.	
7	Khoản hỗ trợ chi phí đi lại đối với đại biểu hội đồng nhân dân:					4	Khoản hỗ trợ chi phí đi lại đối với đại biểu hội đồng nhân dân:					

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ				Thuyết minh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh		Xã
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân tỉnh 3.000.000đồng/đại biểu/năm; Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách là thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ trưởng, Tổ phó các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 5.000.000đ/đại biểu/năm.					-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân tỉnh 3.000.000đồng/đại biểu/năm; Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách là thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ trưởng các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 5.000.000đ/đại biểu/năm.			Cấp phó của Tổ đại biểu điều chỉnh mức khoán thành 3.000.000 đồng/đại biểu/năm trong Dự thảo Bổ sung quy định đối tượng đã được bố trí xe.	
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân cấp huyện 2.400.000/đại biểu/năm; Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân huyện hoạt động không chuyên trách là thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và Tổ trưởng, tổ phó các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 4.000.000đ/đại biểu/năm.									Bỏ cấp huyện theo tình hình thực tế	
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.900.000đ/đại biểu/năm.					-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân cấp xã: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.			Tăng cấp xã	
8	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ									Thực hiện theo quy định hiện hành nên không quy định trong Dự thảo.	
9	Chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định. Chế độ tặng quà lưu niệm cho cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân và các đối tượng					5	Chế độ tặng quà lưu niệm Đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân hoặc thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng			Giữ nguyên và bổ sung trường hợp "hoặc thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân"	
10	Chi hoạt động Ban biên tập, chi phí phát hành Bản tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và tính đặc thù của Tờ thông tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử để quyết định các nội dung chi cụ thể.					6	Chi hoạt động Ban biên tập, chi phí phát hành Bản tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và tính đặc thù của Tờ thông tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử để quyết định các nội dung chi cụ thể.			Giữ nguyên	
						8	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, các cuộc họp, hội nghị, đào tạo bồi dưỡng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ			Bổ sung theo Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND của tỉnh Gia Lai về chế độ công tác phí	
11	Chi tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu Hội đồng nhân dân (trong và ngoài nước) do Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.					11	Chi tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu Hội đồng nhân dân (trong và ngoài nước) do Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.			Giữ nguyên	
12	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác					12	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác				
-	Cấp tỉnh: Trong một nhiệm kỳ mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được trang cấp 01 máy tính bảng (hoặc thiết bị điện tử tương đương) để sử dụng phần mềm kỹ hợp không giấy.					-	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp 01 máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) để sử dụng phần mềm kỹ hợp không giấy và phục vụ hoạt động của đại biểu.			Bổ sung cụ thể 01 máy cho cấp xã và quy định cụ thể máy tính xách tay (thiết bị điện tử tương đương) không phải thu hồi khi kết thúc nhiệm kỳ, hạch toán sổ sách kế toán.	
	Cấp huyện: Tùy theo điều kiện ngân sách địa phương, Thường trực HĐND quyết định việc trang cấp máy tính bảng (hoặc thiết bị điện tử tương đương) cho đại biểu HĐND cấp mình.						Việc trang bị thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành của Nhà nước và tùy thuộc vào ngân sách địa phương. Máy vi tính xách tay được giao cho đại biểu quản lý, sử dụng; không hạch toán, theo dõi, quản lý trên sổ sách kế toán tài sản công của cơ quan và không thu hồi khi kết thúc nhiệm kỳ.				
	Tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.										
Điều 12. Một số nội dung và mức chi khác						Điều 9. Một số nội dung và mức chi khác của Hội đồng nhân dân các cấp.				Điều chỉnh tên Điều	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã		
l	Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang, các hoạt động khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân					l	Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang, các hoạt động khác					
a	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên là đại biểu Hội đồng nhân cấp tỉnh khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	1,000,000	1,000,000	500,000	a	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên là đại biểu Hội đồng nhân cấp tỉnh khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	1,000,000	500,000		
	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã đương nhiệm khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm)											
b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	5,000,000	3,000,000	2,000,000	b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	5,000,000	2,000,000		
c	Trường hợp nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bị bệnh hiểm nghèo, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/lần (không quá 02 lần/năm).					c	Trường hợp nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bị bệnh hiểm nghèo, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/lần (không quá 02 lần/năm).					
	Đối với nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã bị bệnh hiểm nghèo, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định mức hỗ trợ, tùy theo điều kiện ngân sách địa phương.						Đối với nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bị bệnh hiểm nghèo, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định mức hỗ trợ, tùy theo điều kiện ngân sách địa phương.					Điều chỉnh phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp sau sáp nhập
d	Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân.	đồng/người /lần	2,000,000	1,000,000	500,000	d	Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân. Thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân.	đồng/người /lần	1,000,000	500,000	Quy định bổ sung thêm 1 vòng hoa 1.500.000	
	Thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm											
						e	Phúng điếu: Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); Nguyên Thường trực Đảng ủy cấp huyện (cũ); Nguyên Thường trực HĐND cấp huyện (cũ); Thường trực Đảng ủy, nguyên Thường trực Đảng ủy cấp xã và thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng các đối tượng trên.	đồng/người	1,000,000	500,000	Bổ sung thêm đối tượng phù hợp với thực tiễn	
						f	Mức chi phúng điếu như trên và 01 vòng hoa theo giá hiện hành nhưng không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa				Bổ sung	
đ	Chi hỗ trợ đột xuất khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định					g	Chi thăm hỏi, phúng điếu, hỗ trợ đột xuất đối với các đối tượng khác; tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.					Nhập điểm đ, e thành điểm g khoản 1 Điều 9 trong Dự thảo
e	Chi tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.											

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ					Thuyết minh
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh	Xã	
2	Chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện như khoản 1 Điều này.										Chuyển lên Điều 8 Dự thảo
3	Chi thăm hỏi, phúng điếu, đối với các đối tượng khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.										Nhập vào điểm g khoản 1 Điều 9 trong Dự thảo
4	Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định										Chuyển lên Điều 8 Dự thảo
						2	Chi tặng phẩm là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nông sản đặc trưng vùng miền cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đến trao đổi, học tập kinh nghiệm.				Bổ sung mới phù hợp với thực tiễn và công tác đối ngoại với các tỉnh.
							Chi tặng phẩm là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nông sản đặc trưng vùng miền cho các đoàn khách ngoài tỉnh đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh khi Hội đồng nhân dân cấp xã đến trao đổi, học tập kinh nghiệm.				
							Tặng phẩm cho đoàn khách quốc tế do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thực tế.				
						a	Tặng phẩm tập thể (mức tối đa)	Đồng/đoàn khách	5,000,000	3,000,000	
						b	Tặng phẩm cá nhân (mức tối đa)	Đồng/cá nhân	1,000,000		
						3	Nội dung chi khác từ kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân: Hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí địa phương và trung ương, cước công văn; văn				Bổ sung những nhiệm vụ chi thuộc kinh phí Hoạt động HĐND

NGHỊ QUYẾT 40/2022/NQ-HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH						DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ				Thuyết minh	
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã				Tỉnh		Xã
						Điều 10. Một số nội dung chi đảm bảo hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo 1. Chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và cho Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trao đổi, học tập kinh nghiệm, tham dự Kỳ họp Quốc hội: 5.000.000 đồng/đoàn khách; 1.000.000 đồng/cá nhân. 2. Chi đón tiếp khách đối với khách do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng các ban Đảng, đoàn thể của Trung ương và tương đương trở lên, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, lãnh đạo Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương trở lên làm trưởng đoàn về thăm và làm việc tại tỉnh được ngân sách tỉnh cấp để chi các khoản: ăn, ở, đi lại cho các thành viên trong đoàn trong thời gian ở tại tỉnh. Mức chi com thân, phòng nghỉ, tặng phẩm và các chi phí có liên quan đến việc đón tiếp đoàn khách do Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh phê duyệt theo thực tế. 3. Chi thăm hỏi ốm đau - Đối tượng: Lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); nguyên Thường trực Cấp ủy cấp huyện (cũ). - Mức chi: 1.000.000 đồng/người và không quá 02 lần/năm. 4. Chi phúng điếu - Đối tượng: Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo tỉnh (phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên); nguyên Thường trực Cấp ủy cấp huyện (cũ); thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con các đối tượng trên. - Mức chi: không quá 1.000.000 đồng/người - Vòng hoa kèm theo phúng viếng không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa. 5. Các khoản chi khác chi từ nguồn ngân sách địa phương: xăng xe; văn phòng phẩm; trang thiết bị, vật tư, máy móc; mời com thân; hoa, trái cây chúc mừng các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh do lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh quyết định. 6. Các khoản chi tiếp khách, tặng phẩm phải có ý kiến phê duyệt của lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. 7. Các khoản chi khác chưa quy định tại Điều 10 Nghị quyết này do lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh quyết định./				Bổ sung những nhiệm vụ chi thuộc kinh phí Hoạt động Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo nhằm phục vụ tốt hoạt động đặc thù của Đoàn ĐBQH tỉnh	